TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÝ KINH TẾ

ĐỊA LÝ VIỆT NAM

Câu 1. ĐLKT là một môn Khoa Học Xã Hội, KHKT có đối tượng nghiên cứu:
a. Các hệ thống dân cư-kinh tế-xã hội
b. Các lãnh thổ, các ngành sản xuất, dân cư-xã hội
c. Mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên-kinh tế-xã hội trên lãnh thổ
d. Các hệ thống tự nhiên dân cư-kinh tế-xã hội trên lãnh thổ

Câu 2. Khoa học địa lý kinh tế có mối quan hệ với:
a. Nhiều ngành khoa học khác
b. Các ngành khoa học địa lý
c. Trong hệ thống khoa học địa lý
d. Các ngành khoa học kinh tế

Câu 3. Đối tượng nghiên cứu của địa lý kinh tế là:
a. Chung với địa lý tự nhiên
b. Các hiện tượng kinh tế xã hội
c. Chung với khoa học kinh tế
d. Các hiện tượng phân bố sản xuất

Câu 4. Sinh viên kinh tế cần học địa lý kinh tế để bổ sung kiến thức:
a. Quản lý các ngành kinh tế trên tầm vĩ mô
b. Điều kiện tự nhiên – kinh tế – xã hội
c. Sử dụng và quản lý theo lãnh thổ
d. Quản lý sản xuất trên tầm vĩ mô

Câu 5. Đặc điểm và xu hướng chung của nền kinh tế thế giới hiện nay:
a. Mỗi nước độc lập có xu hướng phát triển riêng
b. Có sự liên kết trong một số mặt
c. Xu hướng thống nhất, phát triển đa dạng, không đều, mâu thuẫn
d. Có xu hướng hội nhập, thống nhất theo xu thế chính trị

Câu 6. Nguyên nhân nào là chủ yếu của xu thế nền kinh tế thống nhất:

a. Các quốc gia cùng tồn tại trên trái đất, nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng ngày càng tăng, các nước trở thành những mắt xích của nền kinh tế thế giới
b. Do sản xuất phát triển nhanh dẫn đến thiếu nguyên nhiên liệu, thiếu kỹ thuật
c. Do nhu cầu tiêu dùng tăng nhanh, ưu chuộng hàng ngoại, ưu sự đa dạng
d. Một số nước có nhu cầu sx và tiêu dùng giống nhau nên liên kết. Xây dựng thị trường chung, liên kết sản xuất

Câu 7. Nguyên nhân nào là chủ yếu dẫn đến phát triển kinh tế không đều giữa các nước.
a. Mỗi quốc gia, mỗi khu vực có điều kiện tự nhiên – kinh tế – xã hội khác nhau
b. Là các nước thuộc địa cũ, kỹ thuật kém phát triển
c. Do quá trình phát triển trong lịch sử
d. Do nông dân, tài nguyên tự nhiên thiếu hụt

Câu 8. Nguyên nhân chủ yếu của các mâu thuẫn:
a. phát triển không đều
b. Những vấn đề tồn tại trong qúa trình lịch sử, quyền lợi dân tộc bị chèn ép
c. Va chạm quyền lợi dân tộc, bị nước ngoài can thiệp
d. Những vấn đề do chủ nghĩa thực dân cũ để lại

Câu 9. Lợi thế nào quan trọng nhất hiện nay để Việt Nam tham gia hội nhập nền kinh tế thế giới:
a. Vị trí địa lý thuận lợi, điều kiện tự nhiên giàu có
b. Tài nguyên thiên nhiên phong phú
c. Nằm trong khu vực đông nam á
d. Đường lối đổi mới, với chính sách mở cửa

Câu 10. Hạn chế và tồn tại lớn nhất hiện nay để Việt Nam tham gia hội nhập là:
a. Trình độ lạc hậu về khoa học, kỹ thuật, quản lý
b. Còn chịu những hậu quả to lớn dai dẳng của chiến tranh
c. Những hạn chế của cơ chế thị trường
d. Mức sống thấp, nhiều tệ nạn xã hội

Câu 11. Ảnh hưởng của cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện đại đối với đặc điểm nền kinh tế thế giới.
a. Thúc đẩy và làm sâu sắc hơn các đặc điểm của nền kinh tế thế giới
b. Hình thành các ngành sản xuất mới ở các nước đang phát triển
c. Tạo ra sự chênh lệch lớn của nền kinh tế
d. Hình thành sự hỗ trợ kỹ thuật của các nước phát triển đối với các nước khác

Câu 12. Đặc điểm và xu hướng nào quan trọng nhất trong nền kinh tế thế giới
a. Đa dạng

b. Mâu thuẫn
c. Thống nhất
d. Không đều

Câu 13. Các mối quan hệ kinh tế quốc tế hiện nay được biểu hiện ở:
a. Sự phân công lao động quốc tế
b. Chính sách đóng cửa của một số quốc gia
c. Chính sách bao vây cấm vận của một số quốc gia
d. Nhu cỗu phát triún của các nước đang phát triún

Câu 14. Môi trường địa lý được hiểu là môi trường tự nhiên có vai trò:
a. Tác động đến hoạt động sản xuất của con người
b. Bao quanh con người, chịu sự tác động của sản xuất – xã hội
c. Tác động lên hoạt động xã hội của con người
d. Bao quanh con người và tác động vào sản xuất xã hội

Câu 15. Môi trường là tập hợp các điều kiện bên ngoài có:
a. Ảnh hưởng đến diễn biến và phát triển của một vật thể, một sự kiện
b. Chịu sự tác động của sản xuất và con người
c. Tác động đến toàn thể loài người
d. Tác động đến toàn bộ trái đất

Câu 16. Môi trường tự nhiên bao gồm:
a. Các yếu tố tự nhiên tác động đến con người
b. Các yếu tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên
c. Những yếu tố tự nhiên con người sử dụng vào sản xuất
d. Cơ sở vật chất kỹ thuật của sản xuất

Câu 17. Môi trường sống bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhằm tạo mối qhệ mật thiết với nhau
a. Tác động vào đời sống kinh tế – xã hội
b. Bao quanh con người, ảnh hưởng đến mọi hoạt động của con người, thiên nhiên
c. Là cơ sở vật chất của sản xuất xã hội
d. Ảnh hưởng đến sự tồn tại của thiên nhiên

Câu 18. Thành phần nào của môi trường đa dạng nhất về chủng loại:
a. Thạch quyển
b. Khí quyển
c. Thuỷ quyển
d. Sinh quyển

Câu 19. Đặc trưng tự điều chỉnh, tự tổ chức của môi trường làm cho:
a. Vật chất tự nhiên, ko bị tuyệt chủng
b. Tài nguyên cần phải được khai thác triệt để
c. Mất khả năng cân bằng sinh thái
d. Con người khai thác và tái tạo vật chất tự nhiên

Câu 20. đặc trưng nào của môi trường giúp con người thực hiện gìn giữ môi trường bền vững
a. Linh động, cùng với cân bằng động
b. Tính mở, với sự trao đổi các dòng vật chất thông tin
c. Khả năng: tự tổ chức, tự điều chỉnh
d. Cấu trúc phức tạp, đa dạng

câu 21. trường hợp nào môi trường tốt nhất khi tổng chất thải:
a. bằng tổng chất thải sản xuất + tổng chất thải sinh hoạt
b. nhỏ hơn khả năng hấp thụ của môi trường
c. lớn hơn khả năng hấp thụ của môi trường
d. bằng khả năng hấp thụ của môi trường

câu 22. điều kiện tự nhiên là:
a. nguồn vật chất của trái đất
b. lực lượng của trái đất tác động vào sản xuất
c. vật chất mà con người có thể tạo ra để sử dụng và thay đổi nó

câu 23. trong khai thác tự nhiên, những tác động tiêu cực của con người đã làm cho:
a. thiên nhiên bị biến đổi nhanh chóng
b. cân bằng tự nhiên bị phá huỷ, dẫn đến khủng hoảng sinh thái
c. tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái, mất khả năng phục hồi
d. các điều kiện tự nhiên bị biến đổi sâu sắc theo chiều hướng ngày càng xấu đi

câu 24. trong các nước phát triển sự suy thoái môi trường và cạn kiệt tài nguyên mức độ ngày càng lớn là do:
a. quá trình công nghiệp hoá và hoạt động sản xuất
b. quá trình phát triển của các ngành kinh tế
c. sự phát triển kinh tế quá nhanh và mục đích lợi nhuận
d. nhu cầu nguyên nhiên liệu ngày càng tăng của công nghiệp

câu 25. tài nguyên thiên nhiên là:
a. những vật thể tự nhiên, phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất – xã hội của con người
b. yếu tố tự nhiên có quan hệ trực tiếp đến hoạt động kinh tế mà con người không làm thay đổi nó
c. vật thể tự nhiên, con người khai thác, sử dụng và làm thay đổi nó trong quá trình sản xuất
d. yếu tố tự nhiên ảnh hưởng gián tiếp vào hoạt động kinh tế – xã hội của con người

câu 26. môi trường địa lý chỉ chịu tác động của:
a. quy luật tự nhiên và hoạt động xã hội

b. quy luật xã hội và tác động của con người
c. các nhân tố tự nhiên, kinh tế, xã hội
d. con người

câu 27. ảnh hưởng của môi trường địa lý đến sự phát triển xã hội được biểu hiện ở chỗ:
a. sự phát triển của nền sản xuất ngày càng phụ thuộc vào môi trường địa lý
b. là cơ sở vật chất, điều kiện thường xuyên và cần thiết để phát triển xã hội loài người
c. là nơi cung cấp nguyên liệu cho sự phát triển của xã hội
d. là cơ sở tự nhiên để phát triển sản xuất

câu 28. để giải quyết cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu, cần phải:
a. hạn chế sản xuất để ít gây ô nhiễm
b. hạn chế nhu cầu của con người
c. có sự phối hợp của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và các ngành khoa học kỹ thuật
d. thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, công nghệ

câu 29. diện tích Việt Nam phần đất liền?
a. 330.000 km^2
b. 330.991 km^2
c. 360.930 km^2
d. 329.400 km^2

câu 30. vị trí địa lý của Việt Nam được xác định bởi toạ độ:

a. $23^0$22’B	$8^0$30’B	$109^0$24’Đ	$102^0$10Đ
b. $23^0$10’B	$7^0$30’B	$108^0$24’Đ	$100^0$10’Đ
c. $22^0$22’B	$8^0$50’B	$107^0$24’Đ	$101^0$10’Đ
d. $23^0$50’B	$8^0$00’B	$106^0$24’Đ	$102^0$20’Đ

câu 31. các điểm cực Đông, tây, nam, bắc trên đất liền thuộc các tỉnh:
a. quảng ninh, lai châu, kiên giang, hà giang
b. nha trang, lai châu, cà mau, lạng sơn
c. khánh hoà, lai châu, cà mau, hà giang
d. quảng ninh, lai châu, kiên giang, cao bằng

câu 32. ý nghĩa quan trọng nhất về kinh tế của vị trí địa lý Việt Nam:
a. du lịch quốc tế
b. nông nghiệp quốc tế
c. công nghiệp quốc tế
d. vận tải quốc tế

câu 33. bản sắc tự nhiên của vị trí địa lý Việt Nam:
a. lục địa và hải dương
b. lục địa châu á
c. công nghiệp quốc tế
d. vận tải quốc tế

câu 34. về mặt kinh tế-xã hội, Việt Nam là nơi hội tụ của nền văn minh:
a. đông nam á, ấn độ

b. châu á, trung hoa
c. châu á thái bình dương
d. trung hoa, ấn độ

câu 35. Việt Nam có biên giới với các nước:
a. lào, mianma, trung quốc
b. lào, campuchia, thái lan
c. trung quốc, lào, campuchia
d. trung quốc, campuchia, malaixia

câu 36. tính nhiệt độ ẩm của Việt Nam được thể hiện:
a. nhiệt độ trung bình cao, ẩm độ trung bình, gió mùa
b. gió mùa, nắng nhiều, ẩm độ thấp
c. gió mùa, nắng nhiều, mưa nhiều, độ ẩm cao
d. nhiệt độ trung bình thấp, nắng nhiều, độ ẩm cao

câu 37. vì sao Việt Nam không bị khô hạn như các nước cùng vĩ độ ở châu phi và tây á:
a. gió mùa, tính chất bán đảo
b. bán đảo, nhiều đồi núi
c. có nhiều đồi núi, nhiều sông suối
d. cả 3 lý do đưa ra

câu 38. khí hậu Việt Nam mang tính chất:
a. nhiệt đới, gió mùa châu á
b. nhiệt đới, gió mùa, đồi núi
c. cận nhiệt đới, gần biển, gió mùa
d. nhiệt đới, gió mùa đông nam á

câu 39. ưuđiểm cơ bản của khí hậu Việt Nam:
a. nóng, ẩm, mưa nhiều, nhiệt độ cao
b. ẩm, nóng, nhiệt độ trung bình, ít mưa
c. Nắng nhiều, lạnh, gió mang nhiều hơi nước
d. Mưa nhiều, có mùa lạnh, bức xạ cao, ẩm

Câu 40. ý nghĩa kinh tế của khí hậu Việt Nam
a. trồng được tất cả các loại cây
b. trồng cây được quanh năm
c. chỉ trồng được các loại cây nhiệt đới
d. trồng cây quanh năm với nhiều loại cây

câu 41. khoáng sản nào Việt Nam có khả năng phong phú nhất:
a. kim loại đen
b. kim loại màu
c. kim loại hiếm
d. không kim loại

câu 42. hiện nay loại nhiên liệu nào cho giá trị kinh tế cao nhất ở Việt Nam
a. dầu mỏ

b. khí đốt
c. than
d. gỗ củi

câu 43. hạn chế cơ bản nhất của tài nguyên đất nông nghiệp Việt Nam

a. chất lượng đất
b. bị xói mòn bạc màu
c. nhiều loại đất
d. diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ thấp

câu 44. cách phân loại tài nguyên nào là hợp lý nhất đối với phát triển bền vững

a. tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn
b. tài nguyên lao động, trí tuệ, thông tin ...
c. tài nguyên có thể phục hồi và tài nguyên ko thể phục hồi
d. tất cả các loại tài nguyên tự nhiên đều cạn kiệt, không cần phân loại

câu 45. cách sử dụng khoáng sản hữu hiệu nhất:

a. hạn chế chất thoát trong quá trình khai thác và sử dụng
b. tiết kiệm, hạ thấp chi tiêu sử dụng, thăm dò, tìm kiếm khoáng sản mới
c. tận dụng và tái chế khoáng sản
d. hạ thấp mức sản xuất và tiêu thụ khoáng sản

câu 46. nguyên nhân nào chủ yếu làm suy thoái môi trường và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên của các nước đang phát triển

a. sự tăng trưởng kinh tế
b. sự phát triển dân số nhanh
c. quá trình đô thị hoá
d. quá trình công nghiệp hoá

câu 47. các loại đất chính của Việt Nam

a. phù sa, pheralit, bazan
b. phù sa, bazan, phiến thạch
c. phù sa, bazan, cát pha
d. bazan, phù sa, ven biển

48. hạn chế của tài nguyên nước ở Việt Nam hiện nay:

a. nhiều loại nước
b. lượng mưa nhiều
c. phân bố không đều
d. chảy từ nước ngoài vào

câu 49. ưu điểm cơ bản của các nguồn nước:

a. nhiều nước ngọt
b. lượng nước mưa lớn
c. các loại nước đều có giá trị kinh tế
d. chỉ có nước ngọt là có giá trị

câu 50. tính chất nào là đặc điểm cơ bản của điều kiện tự nhiên Việt Nam

a. nhiệt đới, gió mùa đông nam á, ẩm
b. gió mùa, ẩm
c. tính chất phi địa đới
d. đồi, núi cao

câu 51. người ta nói điều kiện tự nhiên của Việt Nam có tính biểu mạnh
a. do ở bán đảo và đảo
b. có bờ biển dài
c. do thềm lục địa và vùng biển
d. do cả 3 yếu tố đã đưa ra

câu 52. vùng bờ biển có bãi lầy để nuôi trồng hải sản tốt nhất
a. móng cái-ninh bình
b. quảng bình-quảng nam
c. vũng tàu-hà tiên
d. quảng ngãi-vũng tàu

câu 53. rừng ngập mặn có giá trị kinh tế cao ở vùng nào:
a. quảng bình-quảng ngãi
b. quảng ngãi-ninh thuận
c. móng cái-ninh bình
d. bà rịa vũng tàu-hà tiên

câu 54. điều kiện tự nhiên cơ bản để có nền nông nghiệp quanh năm và đa canh
a. nhiệt đới ẩm
b. đồi núi
c. tính chất biển
d. nhiệt đới ẩm và phi địa đới

câu 55. thềm lục địa phía bắc và phía nam có bùn mịn và bùn cát vì:
a. dòng hải lưu ven biển đưa phù sa đến
b. phù sa của các con sông có trên thềm lục địa
c. phù sa của sông hồng và sông cửu long
d. phù sa từ miền tây đem lại

câu 56. nguyên nhân của sự phân hoá tự nhiên bắc nam
a. do đất nước kéo dài tới 15 vĩ độ và địa hình phức tạp
b. vì dãy Trường sơn đâm ra biển ở nhiều đoạn
c. do vận động tạo sơn làm cho phân hoá hai miền
d. do gió mùa làm cho 2 miền khác nhau

câu 57. thế mạnh nhất của biển Việt Nam so với vùng biển các nước bắc á
a. sinh vật biển phong phú
b. cảng biển lớn nhất thế giới
c. muối biển, khoáng sản
d. tái sinh sinh vật biển thuận lợi

câu 58. rừng Việt Nam bị suy thoái nhiều vì:

a. khai thác vô ý thức
b. do không có khả năng trồng lại
c. do nông nghiệp lấn chiếm đất rừng
d. do khai thác khoáng sản, nhiên liệu

Câu 59. thế mạnh của rừng Việt Nam

a. nhiều loại gỗ quý, đặc sản nhiều
b. rừng hỗn giao, phát triển mạnh
c. rừng nhiều tầng, ít loại cây
d. động, thực vật phong phú, đa dạng phát triển nhanh

câu 60. chọn thứ tự các nước sau theo cách sắp xếp diện tích từ lớn đến nhỏ:

a. trung quốc, Việt Nam, pháp, nhật
b. nga, pháp, Việt Nam, nhật
c. pháp, nhật, Việt Nam, trung quốc
d. trung quốc, pháp, nhật, Việt Nam

câu 61. vùng đặc quyền kinh tế trên biển của Việt Nam tính theo đường cơ sở:

a. 212 hải lý
b. 180 hải lý
c. 200 hải lý
d. 150 hải lý

câu 62. nước ta có nhiệt độ trung bình thấp hơn và lượng mưa cao hơn nhiều nước khác có cùng vĩ đạo châu á.

a. nằm trên bán đảo đông dương
b. chịu tác động của gió mùa
c. do địa hình 3/4 là đồi núi
d. có những dãy núi hình cánh cung

câu 63. trên đất Việt Nam mưa phùn diễn ra trong mùa đông ở vùng nào?

a. đồng bằng duyên hải nam trung bộ
b. tây nguyên
c. đông nam bộ
d. miền bắc

câu 64. hàng năm gió lào xuất hiện trong mùa hè có cường độ lớn ở:

a. duyên hải nam bộ
b. đồng bằng sông hồng
c. bắc trung bộ
d. đồng bằng sông cửu long

câu 65. đất bazan ở Việt Nam được phân bố nhiều nhất ở:

a. bắc trung bộ
b. đông nam bộ
c. duyên hải nam trung bộ
d. tây nguyên

câu 66. nguyên nhân chủ yếu làm cho đất nông nghiệp bị thu hẹp vì:
a. tốc độ tăng dân số nhanh
b. đất phục vụ các ngành khác tăng
c. đô thị hoá quá nhanh
d. cả 3 nguyên nhân đưa ra
câu 67. rừng Việt Nam chủ yếu thuộc kiểu rừng
a. nhiệt đới ẩm, xanh quanh năm
b. cận nhiệt đới gió mùa, rụng lá theo mùa
c. cận nhiệt đới, xanh quanh năm
d. xích đạo, xanh quanh năm
câu 68. rừng Việt Nam đang giảm về trữ lượng cũng như chất lượng là do:
a. sự biến đổi của khí hậu
b. du canh du cư
c. chiến tranh tàn phá
d. sử dụng quá mức, ko kiểm soát chặt chẽ
câu 69. biện pháp nào được sử dụng để tăng diện tích nông nghiệp hiện nay?
a. khai hoang phá rừng lấy đất làm nông nghiệp
b. du canh du cư để tìm vùng đất mới
c. tăng hệ số (vòng quay) sử dụng đất
d. khôi phục đất hoang hoá
câu 70. hiện nay cơ cấu thời vụ cần thực hiện đối với cây ngắn ngày ở đồng bằng là:
a. 1 vụ/ năm
b. 2 vụ/năm
c. 2-3 vụ/năm
d. 4 vụ/năm
câu 71. Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Hãy chọn đúng vị trí của Việt Nam năm 1999
a. hoa kỳ, campuchia, Việt Nam, ấn độ
b. hoa kỳ, thái lan, Việt Nam, ấn độ
c. thái lan, hoa kỳ, ấn độ, Việt Nam
d. Việt Nam, hoa kỳ, nga, ấn độ
Câu 72. từ năm 1986 đến nay, sản lượng lương thực của nước ta ko ngừng tăng và ổn định do nguyên nhân chính là:
a. cơ cấu lại mùa vụ
b. chọn giống thích hợp
c. đầu tư kỹ thuật
d. đường lối đổi mới, chính sách thích hợp
câu 73. hiện nay diện tích trồng lúa đang giảm so với những năm 80 là do:
a. diện tích đất nông nghiệp giảm
b. các ngành kinh tế khác chiếm diện tích đất lúa

c. vì ngành lúa đã phát triển lắm đời
d. vì mục tiêu thay đổi cơ cấu cây trồng

câu 74. tại sao đồng bằng sông hồng ít có điều kiện thuận lợi để chăn nuôi trâu bò, nhưng vẫn tích cực phân bố trâu bò vào vùng này vì:

a. cho năng suất thịt cao
b. phục vụ cho trồng trọt lương thực
c. thuận lợi cho công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp hàng tiêu dùng
d. có nguồn thức ăn tự nhiên phong phú

câu 75. miền bắc có thể phát triển mạnh các loại rau quả vùng á ôn đới, ôn đới

a. khí hậu 4 mùa
b. kỹ thuật nông nghiệp phát triển
c. truyền thống sản xuất
d. nhu cầu tiêu thụ của thị trường lớn

câu 76. với điều kiện của miền bắc, ngoài các loại cây của vùng nhiệt đới, nên chú ý phát triển loại cây nào:

a. cây lương thực, hoa quả, rau ôn đới
b. cây rau, hoa quả ôn đới
c. cây rau, hoa quả, cây công nghiệp của vùng xích đạo
d. cây công nghiệp, cây ăn quả của vùng xích đạo

câu 77. cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi của nước ta đang thay đổi như thế nào:

a. trồng trọt tăng nhanh, chăn nuôi tăng chậm
b. cả trồng trọt và chăn nuôi tăng chậm
c. chăn nuôi tăng nhanh, trồng trọt giảm nhanh
d. chăn nuôi tăng nhanh, trồng trọt tiếp tục tăng với mức độ cần thiết

câu 78. ngành chăn nuôi gia súc nào hiện đang cung cấp sản lượng thịt lớn nhất cho nền kinh tế và nhu cầu tiêu dùng của Việt Nam:

a. trâu bò
b. lợn
c. gia cầm
d. ngựa, cừu, dê

câu 79. sự sai lầm của phân bố xí nghiệp công nghiệp sẽ dẫn đến hậu quả lớn nhất đối với vấn đề:

a. phân bố các ngành sản xuất nguyên liệu
b. phân bố giao thông vận tải
c. phân bố dân cư
d. tổ chức kinh tế xã hội trên toàn lãnh thổ

câu 80. phân bố công nghiệp thường tập trung cao độ, vì các nguyên nhân chính:

a. cần nhiều nguyên liệu, cần nhiều nước
b. phân bố lao động xã hội cao
c. phân công lao động xã hội cao và hợp tác chặt chẽ

d. cần nhiều nhiên liệu, năng lượng

câu 81. Tạo mối quan hệ

Câu 82. cặp điều kiện tự nhiên nào ảnh hưởng trực tiếp nhất đến mọi ngành công nghiệp

a. khoáng sản, đất
b. khí hậu, vị trí địa lý
c. rừng, biển
d. nước, năng lượng nhiên liệu

câu 83. thành phố nào là trung tâm công nghiệp lớn nhất của Việt Nam

a. hà nội
b. thành phố HCM
c. hải phòng
d. đà nẵng

câu 84. vùng nào là vùng có nhiều khu chế xuất, khu kỹ nghệ cao nhất nước ta

a. vùng đông bắc bắc bộ
b. vùng đồng bằng sông hồng
c. vùng đông nam bộ
d. vùng đồng bằng sông cửu long

câu 85. khu công nghiệp lọc dầu đầu tiên của Việt Nam được xây dựng ở tỉnh nào:

a. quảng nam
b. quảng ngãi
c. quảng ninh
d. quảng bình

câu 86. ngành công nghiệp nhiệt điện Việt Nam hiện nay dựa trên nguồn nhiên liệu nào là chính:

a. than đá
b. dầu mỏ
c. khí đốt
d. nguyên tử

câu 87. công nghiệp dệt đứng thứ hai về giá trị sản lượng của công nghiệp Việt Nam vì:

a. là ngành công nghiệp truyền thống
b. có nguồn lao động dồi dào
c. có thị trường tiêu thụ rộng rãi
d. cả 3 yếu tố đưa ra

câu 88. tại sao phải xây dựng mạng lưới điện trên cả nước

a. vì ngành điện sử dụng nhiều nguyên liệu
b. ngành điện được sử dụng cho mọi ngành kinh tế
c. sản phẩm của ngành điện ko tồn kho được nhưng có thể vận chuyển đi xa bằng đường day cao thế
d. vì tiết kiệm điện

câu 89. biến động dân số tự nhiên là tăng (giảm) dân số do:

a. sự di cư từ vùng này sang vùng khác một cách tự do

b. kết quả tương quan giữa mức sinh và mức tử trên lãnh thổ trong từng thời điểm
c. chuyển cư theo kế hoạch từ nông thôn ra thành thị
d. chuyển cư một cách tự phát và có điều khiển của kế hoạch

câu 90. biến động dân số cơ học hiểu một cách khái quát là sự tăng (giảm) dân số do:
a. hiệu số của mức sinh và mức tử
b. dân cư chuyển từ vùng nông thôn này đến vùng nông thông khác
c. dân cư chuyển từ nông thôn ra thành thị
d. hiện tượng di dân từ nơi này sang nơi khác, từ nước này sang nước khác

câu 91. tỉ lệ tử vong giảm do nguyên nhân nào là chủ yếu:
a. cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình
b. y tế được cải thiện, văn hoá phát triển
c. nền kinh tế phát triển, đời sống ổn định, trình độ dân trí nâng lên
d. hệ thống truyền thông kế hoạch hoá gia đình tốt

câu 92. nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ tử vong tăng lên ở nước ta:
a. bệnh đường tiêu hoá, suy dinh dưỡng, thiếu máu
b. tim mạch, hô hấp
c. tai nạn giao thông, bệnh AIDS, nhiễm HIV
d. bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng

câu 93. nguyên nhân nào làm cho tuổi thọ người dân nước ta tăng:
a. người già sống lâu
b. tỷ lệ trẻ sơ sinh chết yếu thấp
c. y tế, giáo dục tăng, suy dinh dưỡng giảm
d. mức sống vật chất, tinh thần được năng lên

câu 94. thời kỳ nào Việt Nam có tình trạng bùng nổ dân số:
a. cuối thập kỷ 60
b. cuối thập kỷ 70
c. cuối thập kỷ 80
d. cuối thập kỷ 90

câu 95. hiện nay Việt Nam đang ở giai đoạn nào của phát triển dân số:
a. tăng nhanh
b. tăng chậm
c. giảm chậm
d. tăng hợp lý

câu 96. đối tượng nào là dân số phụ thuộc:
a. dưới 16 tuổi (đối với thế giới là 14 tuổi)
b. trên 60 tuổi (đối với một số nước là 65 tuổi
c. dưới 16 tuổi và trên 60 tuổi (trên 55 tuổi)
d. trên 16 tuổi và dưới 60 tuổi (dưới 55 tuổi)

câu 97. sự suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên của các nước đang phát triển có quan hệ chặt chẽ đến yếu tố nào nhất:

a. sự tăng trưởng kinh tế
b. sự phát triển dân số nhanh
c. quá trình công nghiệp hoá
d. quá trình đô thị hoá

câu 98. hiện tượng di cư ảnh hưởng đến vấn đề nào nhất:
a. biến đổi quy mô, kết cấu dân số trên lãnh thổ
b. phân bố lại dân cư, lao động và khai thác tốt lãnh thổ
c. đảm bảo mức di động cần thiết
d. phân bố lại dân cư và đáp ứng nguyện vọng của người di cư

câu 99. nhóm nước nào gọi là nước dân số trẻ khi có tỷ lệ người dưới 16 tuổi và trên 60 tuổi (nữ 55 tuổi)
a. 40% và 10%
b. 30% và 20%
c. 30% và 15%
d. 35% và < 10%

câu 100. quá trình đô thị hoá ở Việt Nam thì đông di cư nào là xu hướng chính
a. thành phố về nông thôn
b. trong nước ra nước ngoài
c. thành phố nhỏ ra thành phố lớn
d. nông thôn ra thành phố

câu 101. hạn chế nhất của sự gia tăng dân số nhanh:
a. chậm cải thiện chất lượng cuộc sống
b. trình độ văn hoá thấp
c. tàn phá môi trường sinh thái
d. đời sống y tế chậm được cải thiện

câu 102. vùng nào đang có tỉ lệ tăng dân số thấp nhất:
a. đồng bằng sông hồng
b. nông thôn
c. miền núi cả nước
d. ven biển cả nước

câu 103. tình hình tăng dân số tự nhiên của Việt Nam hiện nay:
a. còn tăng nhanh
b. đã chậm ngang mức trung bình của thế giới
c. mức sinh giảm, mức tử giảm
d. mức sinh giảm chậm, mức tử giảm nhanh

câu 104. vùng nào có tỷ lệ tăng tự nhiên cao nhất:
a. miền núi trung du bắc bộ
b. bắc trung bộ
c. tây nguyên
d. duyên hải nam trung bộ

câu 105. vùng nào có tỷ lệ tăng tự nhiên thấp nhất
a. đông nam bộ
b. đồng bằng sông cửu long
c. đồng bằng sông hồng
d. đồng bằng ven biển nam trung bộ
câu 106. Việt Nam là nước dân số trẻ vì:
a. người dưới 16 tuổi chiếm 31%, trên tuổi lao động chiếm 10%
b. người dưới 16 tuổi chiếm trên 40%, người trên 60 tuổi là nam (trên 55 tuổi là nữ) chiếm 10%
c. người trên tuổi lao động 25%, người dưới tuổi lao động chiếm 30%
d. người dưới tuổi lao động chiếm 35%, người trên tuổi lao động chiếm 20%
câu 107. nguyên nhân chủ yếu của sự phân bố dân cư không đều, chưa hợp lý ở Việt Nam
a. do phân bố tài nguyên
b. do lịch sử khai thác lãnh thổ
c. nền kinh tế chưa trải qua phương thức sản xuất TBCN
d. trình độ phát triển sản xuất thấp
câu 108. dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố ở vùng nào:
a. tập trung thành từng tỉnh riêng
b. sống xen kẽ giữa các dân tộc ở miền núi
c. chỉ ở trung du, miền núi
d. ở cả đồng bằng, trung du, miền núi
câu 109. cần phân bố lại dân cư ở Việt Nam vì:
a. nông nghiệp chưa được phân bố đều
b. khai thác tài nguyên cho các ngành
c. sự nghiệp công nghiệp hoá
d. khai thác tài nguyên tổ chức sản xuất hợp lý và nâng cao mức sống cho nhân dân.
câu 110. dân số Việt Nam trong 10 năm qua có tỉ lệ tự nhiên chậm là do:
a. mức sống, trình độ dân trí được nâng lên: vận động kế hoạch hoá gia đình
b. mức sống tăng, công nghiệp hoá nhanh
c. nông thôn công nghiệp hoá, kế hoạch hoá gia đình
d. đô thị hoá nhanh, mức sống tăng
câu 111. vùng nào có mật độ dân số cao nhất:
a. đồng bằng sông cửu long
b. đồng bằng bắc trung bộ
c. đồng bằng sông hồng
d. đồng bằng duyên hải nam trung bộ
câu 112. vùng nào có mật độ dân số thấp nhất:
a. đông bắc bắc bộ
b. tây bắc
c. tây nguyên
d. đông nam bộ

câu 113. nên phân bố dân cư từ vùng nào đến vùng nào là hợp lý nhất:
a. đồng bằng bắc bộ đến tây nguyên, đông nam bộ
b. đồng bằng bắc bộ đến đồng bằng nam bộ, tây nguyên
c. bắc trung bộ, duyên hải nam trung bộ, đồng bằng bắc bộ đến tây nguyên, đông nam bộ
d. đồng bằng nam bộ đến tây nguyên, đông nam bộ, duyên hải nam trung bộ
câu 114. từ 1960 đến 1990 tỷ lệ dân số Việt Nam tăng vì:
a. tỷ suất sinh tăng, tỷ suất tử giảm
b. tỷ suất sinh ko tăng, tỷ suất tử giảm nhanh
c. tỷ suất sinh giảm, tỷ suất tử giảm
d. tỷ suất sinh cao, tỷ suất tử cao
câu 115. phân bố dân cư là:
a. sắp xếp bố trí nguồn lao động trên lãnh thổ
b. sắp xếp bố trí dân cư trên một lãnh thổ nhất định
c. xem xét số lượng dân cư trên một lãnh thổ
d. nghiên cứu chất lượng nguồn lao động theo ngành nghề
câu 116. mật độ dân số là:
a. số dân trên đất nước nào đó
b. sốdân bình quân trên toàn lãnh thổ
c. tỷ lệ dân số so với diện tích
d. số dân trên một đơn vị diện tích nhất định
câu117. nguyên nhân chính của sự tăng dân số tự nhiên của nước ta từ năm 54-85:
a. chưa có chính sách kế hoạch hoá dân số
b. số người trong độ tuổi sinh đẻ chiếm tỷ lệ cao
c. đã vận động sinh đẻ có kế hoạch
d. trình độ dân trí thấp, mức sống thấp
câu 118. nguyên nhân làm giảm mức tăng tự nhiên của dân số Việt Nam hiện nay:
a. thực hiện tốt biện pháp kế hoạch hoá gia đình
b. trình độ dân trí đang được nâng lên nhanh
c. nhu cầu phát triển toàn diện của nhân dân (mức sống, y tế, trình độ khoa học kỹ thuật...)
d. cả 3 yếu tố trên
câu 119. vùng nào có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao:
a. đồng bằng bắc bộ
b. đồng bằng nam bộ
c. duyên hải bắc trung bộ
d. cả 3 đồng bằng trên
câu 120. vì sao đồng bằng bắc bộ có mật độ dân số cao nhất cả nước
a. vì nước ta là nước nông nghiệp
b. vì người kinh đến ở đây sớm nhất
c. đồng bằng bắc bộ có nền văn minh của lúa nước sớm trên thế giới
d. cả 3 lý do trên

câu 121. nguồn lực nào quan trọng nhất trong việc nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp
a. dân cư và nguồn lao động nông thôn
b. công nghiệp chế biến và cơ cấu hạ thấp
c. thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước
d. điều kiên tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi
câu 122. nước mặn xâm nhập mạnh nhất ở bở biển vùng nào:
a. ven biển đồng bằng sông hồng, sông thái bình
b. ven biển bắc trung bộ
c. duyên hải nam trung bộ
d. ven biển đồng bằng sông cửu long
câu 123. tại sao có hiện tượng nông nhàn trong nông nghiệp
a. do phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên
b. thời gian lao động và thời gian sản xuất thống nhất
c. thời gian lao động dài hơn thời gian sản xuất
d. thời gian lao động ngắn hơn thời gian sản xuất
câu 124. ngoài 2 vùng lương thực chủ yếu: đồng bằng bắc bộ và đồng bằng nam bộ, vùng nào là vùng có cơ sở lương thực tương đối vững chắc:
a. đông nam bộ
b. miền núi, trung du bắc bộ
c. ven biển miền trung
d. tây nguyên
câu 125. vùng chuyên canh cao su lớn nhất của nước ta:
a. tây nguyên
b. tây bắc
c. đông nam bộ
d. miền núi phía bắc
câu 126. vùng chuyên canh cà phê lớn nhất:
a. tây bắc
b. tây nguyên
c. miền núi bắc bộ
d. đông nam bộ
câu 127. vùng chuyên canh chè lớn nhất:
a. miền núi trung du phía bắc
b. tây nguyên
c. đông nam bộ
d. nam trung bộ
câu 128. đưa chăn nuôi lên thành ngành chính ở nước ta vì:
a. nhu cầu thực phẩm quý: thịt, trứng, sữa...
b. là ngành nông nghiệp quan trọng
c. phục vụ cho chế biến và xuất khẩu

d. Việt Nam có nguồn thức ăn phong phú cho chăn nuôi, nhu cầu cho đời sống và nhiều ngành sản xuất

Câu 129. loại cây công nghiệp dài ngày nào của nước ta đang có diện tích lớn nhất

a. cao su
b. chè
c. cà phê
d. dừa

câu 130. ngành chăn nuôi nào cung cấp nhiều thịt nhất hiện nay ở Việt Nam

a. gà
b. lợn
c. bò
d. trâu

câu 131. nước ta có thể phát triển nhiều loại cây công nghiệp vì:

a. đào tạo nguồn lao động kỹ thuật
b. tập trung vốn đầu tư, áp dụng kỹ thuật
c. tận dụng thế mạnh của điều kiện tự nhiên
d. năng suất cao, chất lượng tốt, tiêu thụ thuận lợi

câu 132. nước ta có thể phát triển nhiều loại cây công nghiệp vì:

a. khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều loại đất phù hợp
b. có thể trồng xen với cây lương thực
c. có nhu cầu thị trường lớn
d. có trình độ kỹ thuật cao

câu 133. cần kết hợp trồng trọt với chăn nuôi vì:

a. điều kiện tự nhiên thuận lợi
b. trồng trọt cung cấp thức ăn cho chăn nuôi
c. chăn nuôi cung cấp sức kéo và phân bón cho trồng trọt
d. tất cả các ý đưa ra

câu 134. trong nông nghiệp Việt Nam cơ cấu ngành thay đổi theo chiều hướng:

a. lúa gạo chiếm tỷ lệ ngày một cao
b. cây công nghiệp chiếm tỷ lệ cao
c. chăn nuôi, cây ăn quả phát triển
d. giá trị của ngành chăn nuôi, cây ăn quả, cây công nghiệp ngày một tăng

câu 135. lương thực được chú trọng đầu tư phát triển ở Việt Nam vì:

a. cung cấp khối lượng nông phẩm lớn
b. ổn định đời sống và xuất khẩu lớn
c. có thị trường thế giới
d. điều kiện sản xuất thuận lợi

câu 136. diện tích, năng suất, sản lượng lúa ở một số tỉnh của đồng bằng sông cửu long tăng nhanh vì:

a. thời tiết thuận lợi

b. dân nhập cư đông
c. công tác thuỷ lợi, cải tạo đất
d. phát triển chăn nuôi

câu 137. bình quân lúa trên đầu người của đồng bằng sông hồng còn thấp song đã hình thành một số vùng lúa hàng hoá chất lượng cao phục vụ xuất khẩu vì:

a. công nghiệp và làng nghề phát triển, nông nghiệp đều phát triển
b. có truyền thống thâm canh, lương thực lưu thông trên cả nước
c. nhờ lưu thông lương thực trên cả nước
d. nhu cầu của các vùng xung quanh

câu 138. hoa màu hiện nay quan trọng nhất đối với nước ta:

a. lương thực cho người
b. chăn nuôi gia súc, gia cầm
c. cho đại gia súc
d. cho thị trường nước ngoài

câu 139. các loại cây ăn quả, cây thực phẩm của vùng á ôn đới trồng nhiều ở vùng nào ở Việt Nam:

a. vùng núi phía bắc
b. đông nam bộ, đồng bằng sông cửu long
c. tây nguyên, đông nam bộ
d. vùng núi phía bắc, đồng bằng sông hồng

câu 140. vùng có diện tích cây ăn quả lớn nhất ở nước ta:

a. đông nam bộ
b. miền núi phía bắc
c. đồng bằng sông hồng
d. đồng bằng sông cửu long

câu 141. yếu tố nào quyết định sự phát triển chăn nuôi:

a. nguồn lao động
b. thức ăn
c. điều kiện tự nhiên
d. giống tốt

câu 142. lợn nuôi ở vùng nào nhiều nhất:

a. đồng bằng sông hồng
b. đồng bằng sông cửu long
c. ven biển trung bộ
d. đông nam bộ

câu 143. ở Việt Nam gia cầm được chăn nuôi theo hình thức nào là chính:

a. hợp tác xã
b. trại của quốc danh
c. chăn nuôi gia đình
d. trang trại lớn

câu 144. đất dùng trong nông nghiệp chỉ cho phép ở độ dốc:
a. từ 0^0 đến dưới 25^0
b. từ 0^0 đến trên 25^0
c. từ 0^0 đến 30^0
d. từ 25^0 đến trên 30^0

câu 145. thuỷ lợi có tầm quan trọng đặc biệt trong nông nghiệp Việt Nam vì:
a. nhiệt đới, mưa nhiều, ẩm độ cao
b. gió mùa, nhiệt đới, ẩm độ cao
c. nhiệt đới, gió mùa, mưa nhiều, phân bố không đều
d. tính thất thường của khí hậu nhiệt đới, phân bố không đều của nguồn nước

câu 146. Việt Nam có thể sản xuất nông nghiệp quanh năm, nhiều vụ trong 1 năm vì:
a. mưa nhiều, nắng nhiều, gió mùa
b. độ ẩm cao, mưa nhiều, mưa theo mùa
c. gió mùa, mưa nhiều, mưa quanh năm
d. mưa nhiều, độ ẩm cao, nhiệt độ cao, ánh sáng nhiều

câu 147. yếu tố nào là nguồn lực quan trọng nhất trong công nghiệp hoá nông nghiệp Việt Nam hiện nay:
a. thị trường tiêu thụ trong nước
b. lao động nông nghiệp
c. công nghiệp chế biến
d. cách mạng khoa học kỹ thuật

câu 148. khu gang thép đầu tiên của nước ta phân bố ở Thái Nguyên vì:
a. gần nguyên liệu, gần nguồn nước
b. gần thị trường tiêu thụ
c. gần nguyên liệu, trung tâm của vùng đông bắc bắc bộ
d. gần nhiên liệu, có than ở Quán Triều

câu 149. vùng công nghiệp nào có giá trị sản lượng lớn nhất Việt Nam:
a. đông bắc bắc bộ
b. đồng bằng sông hồng
c. đồng bằng sông cửu long
d. đông nam bộ

câu 150. động lực cho sự biến đổi cơ cấu lãnh thổ công nghiệp trong những năm sắp tới là:
a. các vùng công nghiệp đã có lịch sử lâu đời
b. các vùng kinh tế trọng điểm, các khu chế xuất, khu kỹ nghệ cao, khu công nghiệp tập trung
c. các vùng chuyên canh cung cấp nguyên liệu
d. các vùng nguyên, nhiên liệu do thiên nhiên cung cấp

câu 151. sự phân bố tập trung là đặc điểm của ngành nào:
a. vận tải
b. lâm nghiệp
c. công nghiệp

d. nông nghiệp

câu 152. cần phân bố và phát triển công nghiệp trong cả nước vì:

a. trình độ kỹ thuật cao
b. có tác động lớn đến phát triển ngành nông nghiệp
c. tạo khả năng phát triển và phân bố nhiều ngành sản xuất và cơ cấu hạ tầng
d. giải quyết việc làm cho người lao động và nâng cao đời sống

câu 153. công nghiệp cần phải phân bố tập trung thành cụm, khu, vùng vì:

a. liên hiệp sản xuất, có mối quan hệ giữa các cơ sở sản xuất
b. chuyên môn hoá cao, hợp tác hoá chặt chẽ, sử dụng chung cơ cấu hạ tầng
c. sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu
d. sử dụng nhiều lao động và trình độ kỹ thuật cao.

Câu 154. đặc điểm nào ảnh hưởng nhất đối với phân bố công nghiệp:

a. chuyên môn hoá cao, hợp tác chặt chẽ
b. tính tập trung sản xuất
c. thời gian lao động thống nhất với thời gian sản xuất
d. ít chịu ảnh hưởng trực tiếp với điều kiện tự nhiên

Câu 155. trong các ngành công nghiệp sau ở Việt Nam ngành nào cần đi trước một bước:

a. công nghiệp luyện kim
b. công nghiệp cơ khí chế tạo
c. công nghiệp hoá chất
d. công nghiệp điện lực

câu 156. tại sao cần xây dựng mạng lưới điện trong cả nước:

a. sử dụng nhiều nhiên liệu, nguyên liệu
b. sản phẩm không tồn kho được, nhưng có thể vận chuyển bằng đường dây cao thế
c. thị trường tiêu thụ ở khắp nơi, sử dụng nhiều nước
d. nông nghiệp cần nhiều điện, đưa điện vào vùng tiêu thụ.

Câu 157. tại sao nước ta cần kết hợp thuỷ điện với nhiệt điện để xây dựng ngành điện lực mạnh?

a. Nhiều loại nhiên liệu: than, dầu, khí
b. vì lợi thế và hạn chế của 2 loại nhà máy điện và điều kiện tự nhiên của Việt Nam có thuận lợi và khó khăn đối với cả 2 loại nhà máy này
c. trình độ kỹ thuật cho phép xây dựng và sử dụng các loại nhà máy điện
d. do nhu cầu điện của miền núi, phát triển kinh tế trong cả nước

câu 158. để tiết kiệm chi phí vận chuyển nhà máy luyện kim cần phân bố ở nơi:

a. có nhiên liệu, nước
b. gần thị trường tiêu thụ
c. khoa học kỹ thuật phát triển
d. giàu: nguyên liệu, nhiên liệu, nước

câu 159. phân bố công nghiệp hoá chất cần chú ý điểm nào nhất:

a. gần thị trường tiêu thụ

b. gần cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu
c. bảo vệ môi trường
d. gần nguồn nước

câu 160. tại sao phải phân bố kết hợp công nghiệp với nông nghiệp vì:
a. công nghiệp cung cấp thiết bị cho nông nghiệp
b. nông nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp
c. công nghiệp là thị trường tiêu thụ nông phẩm
d. cung cấp sản phẩm cho nhau, giảm chi phí vận tải

câu 161. hiện nay chúng ta chú ý phát triển các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm vì:
a. thoả mãn nhu cầu tiêu dùng trong nước
b. sử dụng nguồn lao động phong phú
c. có nguồn nhiên liệu phong phú
d. có thị trường quốc tế và cả 3 trường hợp đã đưa ra

câu 162. thị trường tiêu thụ cũng là yếu tố ảnh hưởng phân bố công nghiệp:
a. thị trường kích thích sự phát triển công nghiệp
b. thị hiếu luôn luôn thay đổi
c. thị hiếu mỗi địa phương khác nhau
d. thị trường đòi hỏi sản phẩm công nghiệp đáp ứng kịp thời và đúng yêu cầu

câu 163. vì sao phải phân bố công nghiệp chế biến nông phẩm trong vùng chuyên canh, vì:
a. khối lượng nông phẩm lớn và mau hỏng
b. tiết kiệm chi phí vận tải nông phẩm
c. đầu tư vốn lớn cho cơ cấu hạ tầng
d. lao động nông nghiệp có hiện tượng nông nhàn

câu 164. cặp nguồn lực nào quan trọng nhất đối với phát triển công nghiệp Việt Nam hiện nay:
a. tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực
b. nguồn vốn và thị trường
c. chính sách công nghiệp hoá và cơ sở vật chất-kỹ thuật
d. cơ cấu hạ tầng và thị trường

câu 165. phân bố công nghiệp giữa các vùng ở nước ta hiện nay có hiện tượng:
a. chênh lệch lớn giữa tất cả các vùng
b. không có sự chênh lệch
c. chỉ chênh lệch giữa miễn bắc và miền nam
d. chỉ chênh lệch giữa đồng bằng và miền núi

câu 166. hiện nay ngành công nghiệp nào ở nước ta đứng thứ nhất theo giá trị tổng sản lượng 1985-1995:
a. dệt
b. thực phẩm
c. nhiên liệu
d. chế biến gỗ và lâm sản

câu 167. nước ta phát triển được tất cả các ngành vận tải hiện đang sử dụng phổ biến trên thế giới vì:

a. điều kiện tự nhiên thuận lợi cho tất cả các ngành vận tải đó
b. do ở vào bán đảo đông dương nơi có các nước láng giềng đang phát triển mạnh
c. dân số đông nhu cầu di chuyển giữa các vùng lớn
d. cần giao lưu kinh tế quốc tế

câu 168. loại phương tiện vận chuyển nào có lượng hành khách lớn nhất ở nước ta hiện nay:

a. đường sắt
b. đường ô tô
c. đường hàng không
d. đường sông

câu 169. loại phương tiện nào vận chuyển lượng hàng hoá lớn nhất ở nước ta hiện nay:

a. đường sắt
b. đường ô tô
c. đường hàng không
d. đường sông

câu 170. các tuyến đường sắt, đường ô tô quan trọng trên miền bắc phát triển theo chiều hướng nào là chủ yếu

a. bắc-nam
b. đông-tây
c. hình nan quạt
d. từ nhiều trung tâm đi các hướng đông tây nam

câu 171. vận tải đường ô tô, đường sắt Việt Nam chi phí xây dựng cao hơn một số nước khác vì:

a. địa hình nhiều đầm lầy
b. địa hình ven biển có nhiều núi từ Trường sơn đâm ra biển
c. nhiều sông ngòi, phải xây dựng nhiều cầu cống
d. địa hình bị cắt xẻ

câu 172. vì sao tích cực xây dựng đường HCM thành đường xuyên việt thứ 2:

a. khai thác, phát triển kinh tế miền tây
b. tham gia hội nhập kinh tế khu vực, kinh tế thế giới
c. yêu cầu của nền kinh tế nông nghiệp, khai thác khoáng sản, phân bố lại dân cư
d. cả 3 đáp án đưa ra

câu 173. các loại đường giao thông sắt và ô tô phát triển ở miền múi gặp khó khăn nào là chủ yếu:

a. khí hậu nhiệt đới
b. nhiều sông suối
c. địa hình cắt xẻ 3/4 diện tích là đồi núi
d. cả 3 tình huống đưa ra đều đúng

câu 174. cảng nào có công suất lớn nhất Việt Nam hiện nay:

a. cái lân (quảng ninh)
b. sài gòn
c. hải phòng
d. dung quất

câ 175. cảng biển nào thường xuyên phải có đội tàu cuốc để nạo vét lòng lạch:
a. cẩm phả
b. hải phòng
c. đà nẵng
d. sài gòn

câu 176. trong thời kỳ nhận vốn đầu tư nước ngoài hiện nay, nước nào đầu tư và cho vay vốn nhiều nhất đối với vận tải đường bộ nước ta:
a. hoa kỳ
b. hàn quốc
c. nhật
d. pháp

câu 177. hiện tượng phân bố mới của đường sắt Việt Nam từ 1960 đến nay là:
a. xây dựng đường mới
b. cải tạo cơ bản về mặt kỹ thuật vận tải
c. xây dựng một số tuyến đường chuyên dùng vào cơ sở sản xuất công nghiệp
d. xây dựng nhiều tuyến chuyên dùng cho các vùng nông nghiệp chuyên canh

câu 178. các tuyến đường sắt ở Việt Nam đều dài trên 100km, trừ:
a. hà nội-hải phòng
b. hà nội-lào cai
c. đồng đăng-Tp HCM
d. hà nội-quán triều

câu 179. tuyến đường sắt và tuyến đường ô tô nào dài nhất Việt Nam:
a. đồng đăng-TP HCM; đồng đăng-cà mau
b. hà nội-lào cai; đường số 6 (hà nội-lai châu)
c. hà nội-quán triều; đường số 3 (hà nội-bắc cạn)
d. đồng đăng-hà nội; đường số 10 (ninh bình-quảng ninh)

câu 180. vùng nào có giao thông vận tải thuỷ dày đặc:
a. đông nam bộ
b. đồng bằng sông hồng
c. đồng bằng sông cửu long
d. hệ thống sông cửu long

câu 181. hệ thống sông nào của nước ta có thể tổ chức vận tải quốc tế thuận lợi:
a. hệ thống sông hồng
b. hệ thống sông đà
c. hệ thống sông đồng nai
d. hệ thống sông cửu long

câu 182. đường hàng không của chúng ta hiện nay, bị yếu tố tự nhiên nào ảnh hưởng lớn nhất:
a. địa hình nhiều núi cao
b. đồng bằng hẹp
c. khí hậu nhiệt đới thất thường
d. vị trí địa lý

câu 183. vùng kinh tế hình thành một cách khách quan là do:
a. trình độ phân công lao động xã hội theo lãnh thổ cao
b. tập trung sản xuất một số ngành
c. công nghiệp phát triển nhanh làm hạt nhân của vùng
d. nguyên, nhiên liệu phong phú, phát triển

câu 184. ngành chuyên môn hoá của vùng là ngành:
a. chủ yếu của vùng sản xuất nhiều sản phẩm
b. sản xuất chính có khối lượng sản phẩm nhiều để thoả mãn nhu cầu trong vùng và ngoài vùng

câu 185. a
b. cơ sở cho mọi ngành hoạt động
c. chi phối mọi ngành hoạt động
d. phục vụ cho nhu cầu trong vùng

câu 186. chỉ tiêu nào nhận biết ngành chuyên môn hoá:
a. sản xuất nhiều sản phẩm nhất vùng
b. giá trị sản lượng lớn nhất
c. có vốn đầu tư cơ bản lớn nhất, nguồn lao động đông nhất
d. có khối lượng sản phẩm nhiều để có thể xuất ra khỏi vùng

câu 187. nhóm ngành nào quan trọng nhất trong vùng:
a. chuyên môn hoá
b. phát triển nhiều ngành
c. hỗ trợ chuyên môn hoá
d. ngành phụ

câu 188. tính chất tổng hợp của vùng kinh tế là:
a. phát triển nhiều ngành, có cơ cấu hợp lý
b. hình thành cơ cấu ngành hợp lý
c. chỉ phát triển những ngành phục vụ chuyên môn hoá
d. phát triển các ngành để khai thác mọi tài nguyên

câu 189. vai trò của sự phát triển tổng hợp đối với chuyên môn hoá chủ yếu là:
a. hoạt động cùng chuyên môn hoá
b. thúc đẩy, kích thích chuyên môn hoá phát triển
c. chỉ chú ý phát triển nhiều ngành
d. tận dụng tài nguyên còn lại của vùng sau khi chuyên môn hoá đã sử dụng

câu 190. tính chất phát triển tổng hợp được thể hiện bằng nhóm ngành nào dưới đây:
a. công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ
b. công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

c. khai thác tài nguyên, sửa chữa thiết bị khai thác
d. chuyên môn hoá, hỗ trợ chuyên môn hoá, nhóm ngành phụ

câu 191. ngành hỗ trợ chuyên môn hoá là ngành:
a. quan trọng nhất của vùng
b. có liên quan trực tiếp với chuyên môn hoá
c. phục vụ, kích thích chuyên môn hoá phát triển
d. tận dụng tài nguyên thiên nhiên của vùng

câu 192. ngành phụ trong vùng là ngành có nhiệm vụ:
a. tận dụng phế liệu, phế thải của chuyên môn hoá
b. phục vụ nhu cầu của vùng
c. tận dụng mọi khả năng khai thác của vùng mà chuyên môn môn hoá không sử dụng
d. gồm cả 3 nhiệm vụ trên

câu 193. tại sao lại gọi tên một trong 3 nhóm ngành của phát triển tổng hợp là nhóm ngành phụ vì:
a. không quan trọng đối với vùng
b. không có liên quan trực tiếp với ngành chuyên môn hoá
c. không liên quan với ngành bổ trợ
d. phục vụ mọi nhu cầu khác của vùng

câu 194. phương thức sản xuất nào bắt đầu có vùng kinh tế
a. phong kiến
b. TBCN
c. Nô lệ
d. XHCN

Câu 195. qua quá trình phát triển của xã hội loài người tính đến năm 2002 đã có mấy phương thức sản xuất có vùng kinh tế:
a. 2 phương thức (TBCN và XHCN)
b. 3 phương thức (TBCN, XHCN và phong kiến)
c. 1 phương thức (XHCN)
d. chưa có phương thức nào có vùng kinh tế

câu 196. trong một vùng kinh tế, tính chất chuyên môn hoá có mâu thuẫn với phát triển tổng hợp không?
a. không mâu thuẫn, vì thúc đẩy nhau phát triển
b. có mâu thuẫn vì cơ cấu sản xuất phức tạp
c. không mâu thuẫn vì chuyên môn hoá tạo cơ sở hình thành phát triển tổng hợp
d. có mâu thuẫn, vì bài trừ nhau

câu 197. sự khác nhau cơ bản của vùng kinh tế tổng hợp với các loại vùng kinh tế khác là:
a. phát triển nhiều ngành
b. phát triển để sử dụng hợp lý mọi điều kiện kinh tế của vùng
c. thúc đẩy chuyên môn hoá phát triển
d. xây dựng cơ cấu kinh tế xã hội hợp lý của vùng

ĐỊA LÝ THẾ GIỚI

câu 198. miền nào của Hoa Kỳ giàu tài nguyên khoáng sản và năng lượng đã xuất hiện Vành đai công nghiệp chế tạo đầu tiên của nước này:

a. miền tây nam
b. miền đông bắc
c. miền nam
d. miền trung tây

câu 199. vùng nào giữ vai trò điều khiển nền kinh tế HK:

a. vùng đông nam
b. vùng trung hoa kỳ
c. vùng tây nam
d. vùng đông bắc

câu 200. con đường nào có ý nghĩa quyết định nhất để HK đi đến sự hình thành trung tâm kinh tế lớn của thế giới:

a. nhờ giao lưu kinh tế với nhiều trung tâm kinh tế khác
b. từ sức mạnh kinh tế của nước HK
c. do các trung tâm kinh tế thế giới giao lưu với nhau ảnh hưởng đến nước HK
d. nhờ sức mạnh của bên ngoài

câu 201. là nước phát triển công nghiệp nhưng vẫn có thể là cường quốc nông nghiệp:

a. Hoa Kỳ
b. Nga
c. Nhật
d. Đức

câu 202. nơi nào quyết định giá thị trường thế giới của cà phê:

a. Brazin
b. Việt Nam
c. Inđônêxia
d. New york

Câu 203. mô hình đặc trưng của giao thông liên lạc nội địa ở Hoa Kỳ:

a. Internet
b. Vận tải đường thuỷ trên các con sông và giữa hai đại dương
c. Các phương tiện vận tải công cộng
d. Máy bay và xe hơi cá nhân

Câu 204. tại sao HK phải nhập khẩu rất nhiều nhiên liệu và nguyên liệu trên thế giới:

a. vì công nghiệp HK tiêu thụ rất nhiều những thứ đó
b. vì giá nhập khẩu rẻ hơn giá khai thác trong nước
c. vì muốn để dành các tài nguyên

d. vì HK là đế quốc có phạm vi ảnh hưởng toàn cầu

câu 205. nét đặc trưng của lịch sử hình thành dân cư HK:

a. là sự pha trộn chủng tộc của Châu Mỹ và Châu Âu
b. một dân tộc tự do và phóng khoáng
c. là sự tuyển chọn từ nhiều châu lục
d. là sự phân biệt sâu sắc giàu nghèo

câu 206. trong thời đại hiện nay, thế giới đã hình thành 3 trung tâm tư bản lớn:

a. bắc hoa kỳ, tây âu, nhật
b. bắc hoa kỳ, tây âu, châu á thái bình dương
c. tây âu, hoa kỳ, Ôxtralia
d. Hoa kỳ, nhật, tây âu

Câu 207. vào thời gian nào nước HK chiếm tới một nửa GDP toàn thế giới

a. hiện nay (đầu thế kỷ 21)
b. khi phát hiện ra châu HK và bắt đầu thiết lập hợp chủng quốc HK
c. sau đại chiến thế giới thứ hai
d. trước khi Hk dính líu vào chiến tranh Việt Nam

câu 208. đặc điểm nổi bật của phân bố công nghiệp của Trung Quốc trong thời kỳ cải cách:

a. xây dựng khu kinh tế công nghiệp vào miền tây
b. phát triển và phân bố công nghiệp về phía tây nam
c. xây dựng các đặc khu kinh tế ở vùng ven biển
d. mở rộng phân bố công nghiệp trong cả nước

câu 209. vùng nào ở HK có diện tích nhỏ nhất nhưng lại đông dân nhất và tập trung nhiều công nghiệp nhất?

a. miền tây giàu có tài nguyên
b. miền nam nóng ẩm
c. miền trung tây với những vùng đất phì nhiêu bao la
d. miền đông bắc với cảng biển lớn và ngũ hồ

câu 210. tại sao nói người dân HK ko được tự do khi mua sắm?

a. họ phải tính đến túi tiền của mình
b. cạnh tranh của các công ty làm cho người mua khó lựa chọn
c. vì tình hình an ninh của HK ko được đảm bảo
d. vì sức ép của quảng cáo

câu 211. ai có lợi nhất trong việc phát triển hệ thống đường bộ hoàn thiện của HK?

a. các công ty làm đường
b. các hãng sản xuất ô tô
c. những người đi ô tô
d. vận tải hàng hoá

câu 212. hiện nay nước nào đứng đầu thế giới về thu nhập từ du lịch?

a. Hoa Kỳ
b. Nhật

c. Trung Quốc
d. Pháp

Câu 213. Nước Pháp là 1 nước TBCN già nua, nhưng không bị tụt hậu trong thế giới hiện đại. Vì sao?

a. Vì Pháp nằm ở giữa thế giới văn minh cao
b. Vì Pháp luôn tìm ra những mũi nhọn mới
c. Vì dân tộc Pháp rất năng động
d. Vì Pháp có một đội ngũ trí thức giàu tài năng

Câu 214. con đường thuỷ dài nhất mà tàu bè có thể đi lại thuận tiện là con đường nào?

a. Sông Hoàng Hà
b. Sông Votga
c. Sông Mississipi
d. Sông Loire

Câu 215. Nhà nước nào sửa chữa nền kinh tế bằng biện pháp đầu tư trực tiếp vào sản xuất :

a. Hoa Kỳ
b. Nga
c. Pháp
d. Nhật

Câu 216. Là nước dân số già, Pháp đã gặp phải những vấn đề khó khăn:

a. Chi phí phúc lợi cho ng già, trợ cấp xã hội và trợ cấp hưu trí rất lớn
b. Quá đông ng có trình độ kỹ thuật cao, thu nhập cao
c. Nhiều ng muốn đi du lịch, tham quan
d. Cần nhiều kinh phí đào tạo lại

Câu 217. tại sao nước Pháp lại chủ trương phát triển việc sản xuất điện bằng năng lượng nguyên tử:

a. Vì Pháp có đủ trình độ kỹ thuật để đảm bảo sự an toàn môi trường
b. Vì muốn củng cố uy tín trên thị trường quốc tế
c. Vì Pháp ko có dầu mỏ nhưng lại có mỏ Uranium
d. Vì giá thành sản xuất điện nguyên tử rẻ hơn so với dùng những nguyên liệu khác

Câu 218. vì sao Pháp ko còn là 1 cường quốc về than, thép, ô tô?

a. vì nhiều nước đã vượt trội Pháp trong các lĩnh vực này
b. vì trình độ kỹ thuật của Pháp thua nhiều nước tiên tiến khác
c. vì Pháp thiếu thốn những tài nguyên thiên nhiên để sản xuất những mặt hàng này
d. vì Pháp có thể tập trung vào những mũi nhọn có ưu thế cạnh tranh hơn.

câu 219. tại sao nước Pháp ko lựa chọn máy bay và ô tô cá nhân mà lựa chọn xe lửa cao tốc và xe bus là phương tiện giao thông phổ biến nhất?

a. vì thu nhập của dân cư Pháp thấp
b. vì hệ thống đường bộ của Pháp chưa được hoàn thiện
c. vì nước Pháp có kỹ thuật tân tiến nhất thế giới về xe lửa cao tốc
d. vì khoảng cách chuyển dịch của dân cư ko quá dài và mật độ dân cư trong thành phố lại cao

câu 220. hình thể của nước Pháp (lúc tăng), tương đối gọn. Điều đó có nghĩa về mặt kinh tế ntn?

a. liên lạc quốc tế thuận tiện
b. thuận lợi cho việc phát triển đô thi và công nghiệp
c. ko có những chênh lệch về mức sống giữa các vùng
d. tiết kiệm chi phí về giao thông liên lạc

câu 221. khí hậu ôn đới của nước Pháp có ý nghĩa kinh tế ntn?

a. thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp
b. thuận lợi cho phát triển công nghiệp
c. thuận lợi cho phát triển giao thông vận tải
d. tiết kiệm những chi phí để chống nóng và chống lạnh

câu 222. tại sao nói nền kinh tế Pháp là một nền kinh tế vừa " già" vừa "trẻ"?

a. Vì Pháp có một nền kinh tế văn minh lâu đời nhưng biết đổi mới không ngừng
b. Vì Pháp có một đội ngũ những trí thức và các nhà văn hoá xuất sắc
c. Vì Pháp nằm ở trung tâm của văn minh thế giới
d. Vì Pháp là trung tâm của văn minh Châu Âu

Câu 223. tại sao nước Pháp trở thành một cường quốc " rượu vang"?

a. vì người Pháp sành trong rượu
b. vì nước Pháp nổi tiếng về sự sa hoa và yến tiệc của các vua chúa
c. vì điều kiện thiên nhiên đã tạo ra truyền thống lâu đời của ngành sản xuất này
d. vì nước Pháp là trung tâm du lịch quốc tế

câu 224. vì sao sông Seine tuy bé nhỏ nhưng trở thành con sông nổi tiếng bậc nhất thế giới?

a. vì nó là đường giao thông thuỷ quan trọng nhất của nước Pháp
b. vì nó đem lại nhiều phù sa mầu mỡ cho các cánh đồng của Pháp
c. vì nó có vị trí chiến lược quan trọng
d. vì nó chảy qua một thành phố đông khách du lịch nhất thế giới là Paris

câu 225. con sông nào có nhiều lâu đài nổi tiếng nhất thế giới?

a. Sông Seine
b. Sông Lorie
c. Sông Mississpi
d. Sông Hoàng Hà

Câu 226. vì sao Bordeaux trở thành thủ đô của rượu vang?

a. vì đó là một hải cảng lớn để xuất khẩu của Pháp, một trung tâm công nghiệp lớn
b. vì nó là cửa ngõ của một vùng sản xuất rượu vang lớn nhất thế giới
c. vì nó nằm trong châu thổ sông Garonne, nhận gió của đại tây dương và địa trung hải
d. vì nó là một trung tâm thương nghiệp từ thời trung cổ của châu âu, trung tâm công nghiệp, hải cảng

câu 227. tại sao nước Pháp cũng dành ra một vùng để sản xuất lúa gạo?

a. vì ở đó có khí hậu nhiệt đới ẩm ướt thuận lợi cho cây lúa
b. vì nước Pháp vẫn muốn dùng lúa gạo để nắm thị trường của các nước châu phi

c. vì nước Pháp ko muốn lệ thuộc và thị trường gạo của thế giới
d. vì năng suất lúa ở vùng này rất cao

câu 228. vì sao chi phí về thuốc bệnh ở Pháp vào loại cao nhất thế giới?
a. vì nước P là nước văn minh
b. vì giá thuốc ở P rất đắt
c. vì hệ thống bảo hiểm ở P rất hoàn hảo
d. vì ở P tỉ lệ người già rất cao

câu 229. một trong đặc điểm đáng chú ý của nền kinh tế P là vai trò của nhà nước trong kinh tế khá mạnh và đậm nét thể hiện:
a. can thiệp bằng thuế
b. trợ cấp, trợ giá
c. nhà nước đầu tư vào một số ngành then chốt
d. cả 3 lý do đưa ra

câu 230. vì sao nói rằng trên lãnh thổ nước P ko có mảnh đất nào là ko hữu dụng?
a. vì nước P là nước phong kiến lâu đời
b. vì nước P có mật độ dân cư rất cao
c. vì nước P đứng đầu thế giới về số khách du lịch
d. vì điều kiện thiên nhiên làm cho all mọi vùng có thể sinh lợi

câu 231. cơ cấu công nghiệp của nước Nhật:
a. phát triển công nghiệp cơ khí
b. phát triển công nghiệp chế biến
c. chú trọng công nghiệp sử dụng ít nguyên liệu
d. phát triển công nghiệp toàn diện

câu 232. nếu nói rằng những điều kiện thiên nhiên, trước hết là tài nguyên thiên nhiên in những dấu ấn đậm nét trọng sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, thì trường hợp nước N phải giải thích thế nào?
a. Nước N không cần đến tài nguyên thiên nhiên
b. Nước N có một tài nguyên rất quan trọng là biển rộng để đánh cá và giao lưu quốc tế
c. Nước N rất cần tài nguyên nhưng là tài nguyên của các nước khác
d. Nước N sử dụng ít tài nguyên tự nhiên

Câu 233. tại sao trong số các nước châu á, Nhật Bản lại đạt được sự phát triển vượt trội, trong khi những điều kiện địa lý ko thuận lợi?
a. vì N gắn bó với HK và được HK giúp đỡ
b. vì nước N có một nền công nghiệp tiên tiến làm đầu tầu cho sự phát triển kinh tế
c. vì dân tộc N có tinh thần độc lập và kiên trì, thắt lưng buộc bụng
d. vì N đã sớm biết mở cửa để tận dụng vốn và kỹ thuật tiên tiến của thế giới

câu 234. tại sao sản xuất lúa gạo ở N rất đắt, mà chính phủ N vẫn duy trì nền sản xuất đó?
a. vì nước N ở cách biệt với những vùng lúa gạo lớn, chuyên chở gạo nhập khẩu rất tốn kém
b. vì N ko muốn lệ thuộc vào thị trường nông sản thế giới
c. vì N tiết kiệm ngoại tệ để phát triển công nghiệp

d. vì lợi ích chính trị của đảng cầm quyền

câu 235. vì sao giá những hàng hoá do N sản xuất bán trên N lại rất đắt?

a. vì chi phí sản xuất ở N rất cao
b. vì thuế rất cao
c. vì chính sách tiết kiệm của chính phủ N
d. vì cung nhỏ hơn cầu

câu 236. vì sao mấy thập kỷ vừa qua nước N sẵn sàng xuất khẩu TLSX và chuyển giao kỹ thuật cho các nước đang phát triển?

a. vì muốn sửa chữa những lỗi lầm mà N đã gây ra cho thế giới thứ ba trong đại chiến thế giới lần thứ hai
b. vì phong trào chống thủ nghĩa quân phiệt của nhân dân N đã tạo ra sức ép đối với chính phủ
c. vì muốn cạnh tranh với HK trên thị trường đầu tư quốc tế
d. vì muốn tập trung vào những lĩnh vực mũi nhọn quyết định hơn

câu 237. lấy một ví dụ cho thấy có những trường hợp thì sự nhu cầu cũng có thể tạo ra một sức mạnh trên thị trường thế giới?

a. Hoa kỳ
b. Trung quốc
c. ấn độ
d. Nhật bản

Câu 238. đặc điểm nào của vị trí địa lý ảnh hưởng tích cực nhất tới sự phát triển của N trong thời đại ngày nay?

a. Quần đảo
b. Quần đảo tiếp xúc các cường quốc lớn
c. Quần đảo ở Tây bắc thái bình dương
d. Một cửa ngõ vào đông á

Câu 239. khó khăn chủ yếu về điều kiện tự nhiên của Nhật là:

a. phần lớn đất đai là đồi núi
b. nghèo tài nguyên thiên nhiên
c. nhiều thiên tai
d. vị trí quần đảo

câu 240. hiện tượng sau đây được coi là nguy cơ trong dân số Nhật :

a. dân số tăng chậm
b. dân số phân bố ko đều
c. sự già hoá dân số
d. tỷ lệ thị dân cao

câu 241. ngày quốc khánh của Nhật là:

a. Ngày lập quốc
b. Ngày ban hành hiến pháp hiện hành
c. Ngày sinh của Hoàng đế đang trị vì
d. Ngày khởi đầu công cuộc Duy tân minh trị

Câu 242. Nhật đang đứng đầu thế giới về:
a. tổng kim ngạch ngoại thương
b. hiệu số xuất-nhập
c. giá trị xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao
d. khối lượng dầu thô nhập khẩu

câu 243. giá dịch vụ nói chung và giá khách sạn ở Nhật khá cao điều đó:
a. làm tăng nguồn thu cho ngành dịch vụ và khách sạn du lịch nội địa
b. tăng nguồn thu cho du lịch vì thu hút khách nước ngoài
c. giảm lượng khách du lịch và số người sử dụng dịch vụ
d. không ảnh hưởng gì

câu 244. trong thời gian gần đây sản lượng nông nghiệp của N có xu hướng giảm. Nguyên nhân chính là do:
a. Tác động của thị trường nông sản thế giới
b. tính chu kỳ của sản xuất TBCN
c. do sản xuất đã tới giới hạn cho phép
d. người nông dân rời bỏ nông nghiệp

câu 245. nguyên nhân chủ yếu làm cho kinh tế N trì trệ trong thập kỷ 90 là:
a. tài nguyên cạn kiệt
b. khủng hoảng kinh tế ở đông nam á
c. do mô hình kinh tế ko còn thật phù hợp
d. thiếu sự ủng hộ của siêu cường

câu 246. xét khía cạnh đầu ra của các ngành sản xuất của N, thì vai trò quan trọng nhất hiện nay thuộc về:
a. thị trường trong nước
b. thị trường khu vực các nước phát triển
c. thị trường các nước phát triển
d. ko xác định được

câu 247. yếu tố nào trong những yếu tố sau chi phối mạnh nhất sự phân bố công nghiệp N hiện nay:
a. chính sách xã hội
b. chi phí vận tải
c. lịch sử
d. các nhân tố khác

câu 248. trong nền công nghiệp N, xét về giá trị sản lượng, vai trò hàng đầu thuộc về:
a. xí nghiệp lớn
b. xí nghiệp nhỏ (<=100 công nhân)
c. xưởng của gia đình
d. các loại khác

câu 249. đặc điểm chung về cơ cấu ngành giao thông của N thể hiện:
a. có sự cân đối hài hoà giữa các loại hình chủ yếu

b. mất cân đối giữa các loại hình
c. chỉ có đường biển được coi trọng
d. chỉ có đường sắt được coi trọng

câu 250. đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp N là:
a. một nền nông nghiệp có sản lượng nông sản hàng hoá lớn của thế giới
b. một nền nông nghiệp có năng suất cao
c. một nền nông nghiệp thể hiện khả năng xuất sắc trong việc khắc phục một cách hiệu quả những hạn chế của tự nhiên
d. một nền nông nghiệp có cơ cấu cân đối

câu 251. nêu so sánh một cách toàn diện hai nền kinh tế N và HK có thể cho rằng:
a. Hk là nền kinh tế mạnh, có điều kiện để phát triển ổn định hơn N
b. Hai bên kinh tế đều có đặc điểm giống nhau
c. N mạnh hơn Hk, có điều kiện phát triển ổn định hơn
d. Không thể so sánh 2 nền kinh tế đó với nhau

Câu 252. trong cơ cấu của các nước đông nam á đang diễn ra quá trình:
a. giảm tỷ trọng của nông nghiệp, công nghiệp, tăng tương đối tỷ trọng của dịch vụ
b. giảm tỷ trọng của nông nghiệp, tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ
c. giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ
d. cân đối nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ

câu 253. các nước đông nam á có vị trí bán đảo và đảo tạo ra thuận lợi nào nhất:
a. nông nghiệp phát triển
b. công nghiệp nhiều ngành
c. trong lĩnh vực môi trường
d. vận tải phát triển

câu 254. ASEAN là một tổ chức khu vực phối hợp hoạt động:
a. chỉ trong lĩnh vực kinh tế
b. chỉ trong lĩnh vực chính trị – xã hội
c. trong lĩnh vực môi trường
d. chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế nhưng hướng tới hợp tác toàn diện

câu 255. sự thành công của các nước ASEAN trước khi xảy ra khủng hoảng tiền tệ:
a. lấy công nghiệp làm đột phá khẩu phát triển kinh tế
b. lấy công nghiệp xuất khẩu làm nhiệm vụ trọng tâm
c. phát triển công nghiệp sử dụng nhiều lao động
d. cả 3 định hướng trên dẫn đến thành công

câu 256. thế mạnh chủ yếu của đông nam á là:
a. sản xuất nông phẩm nhiệt đới có giá trị kinh tế cao
b. nguyên liệu, nhiên liệu
c. chế tạo máy móc dụng cụ gia đình cao cấp
d. công nghiệp chế biến thực phẩm nói chung

câu 257. nước nào ở khu vực đông nam á đã khai thác thành công nhất thế mạnh về vị trí địa lý của mình trong công cuộc xây dựng đất nước...

a. Philippin
b. Singapo
c. Thái lan
d. Lào

Câu 258. những đồng bằng lớn dưới đây của bán đảo trung ấn thường xuyên được phù sa bồi đắp trừ:

a. đồng bằng sông mê kông
b. đồng bằng sông Saluen và Haoadi
c. đồng bằng sông châu giang
d. đồng bằng sông hồng

câu 259. đặc điểm khí hậu đông nam á có những đặc điểm sau, trừ:

a. nhiệt độ cao quanh năm
b. lượng mưa lớn, nhiều bão
c. năng lượng bức xạ mặt trời cao trên đơn vị diện tích
d. độ ẩm thấp

260. trong các nước đông nam á dưới đây, nước nào có tỷ lệ dân sống ở thành phố cao nhất ở đông nam á:

a. Brunây
b. Việt Nam
c. lào
d. Campuchia

câu 261. khu vực đông nam á, kiều dân nào đông nhất:

a. hoa kiều
b. ấn kiều
c. Nhật kiều
d. Pháp kiều

Câu 262. đạo hồi ko phải là tôn giáo chính ở nước nào trong các số nước sau đây:

a. Mailaixia
b. Inđônêxia
c. Brunây
d. Philippin
e.

Câu 263. thập kỷ 90 trở về trước, sắn là cây trồng mang lại nguồn lợi lớn cho đất nước

a. campuchia
b. Brunay
c. Thái lan
d. Trung quốc

Câu 264. cao su là cây trồng nổi tiếng của khu vực đông nam á, nước đứng đầu về sản lượng trong những năm gần đây (đầu thế kỷ 21) là...

a. Việt Nam
b. Thái lan
c. Campuchia
d. Malayxia

Câu 265. ngành công nghiệp nổi tiếng, truyền thống của đông nam á là:

a. công nghiệp khai thác than
b. công nghiệp luyện kim
c. chế biến sản phẩm nông nghiệp
d. công nghiệp điện tử

câu 266. bước đi chiến lược nào ko phải là của các nước đông nam á trong quá trình công nghiệp hoá đất nước

a. chiến lược công nghiệp hoá thay thế hàng nhập khẩu
b. chiến lược công nghiệp hoá sản xuất hàng nhập khẩu đòi hỏi nhiều lao động, đẩy mạnh công nghiệp khai thác khoáng sản giải quyết nạn thất nghiệp
c. chiến lược công nghiệp hoá sản xuất hàng xuất nhập khẩu với hàm lượng khoa học trong sản phẩm ngày một cao
d. chiến lược công nghiệp hoá ưu tiên các ngành công nghiệp nặng

câu 267. trong thời gian qua, nền kinh tế nước ta tương đối ổn định hơn so với nhiều nước ASEAN khác. trong các nguyên nhân dưới đây thì quan trọng nhất là:

a. kinh tế nước ta đủ mạnh để đứng vững trước các biến cố của thế giới
b. ta có chiến lược phát triển đúng đắn
c. ta còn ở trình độ phát triển thấp, chưa hoà nhập đầy đủ vào đời sống kinh tế của khu vực
d. nền kinh tế của ta nhỏ bé, dễ thích ứng với sự thay đổi của khu vực

câu 268. các dòng sông lớn có giá trị kinh tế cao (quanh năm có nước, mang hàm lượng phù sa cao, ko bị đóng băng...) chủ yếu tập trung ở đâu?

a. bắc âu
b. nam âu
c. tây á
d. đông nam á

câu 269. nguyên nhân chủ yếu tạo nên những thành tựu to lớn trong sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN từ cuối thập kỷ 80 tới giữa thập kỷ 90 là:

a. điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên đa dạng
b. thu hút đầu tư nước ngoài khu vực và đầu tư giữa các nước trong khu vực
c. đầu tư thoả đáng vào khoa học, phát triển mạnh khoa học kỹ thuật
d. có chính sách kịp thời và có hiệu quả

câu 270. chọn một nhân tố chủ yếu trong số các nhân tố sau dẫn đến cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1997 ở các nước ASEAN

a. giảm sút của các ngành kinh tế

b. nợ nước ngoài nhiều
c. cơ cấu kinh tế bất hợp lý
d. sự phân hoá giàu nghèo chênh lệch quá lớn

câu 271. sự thăng trầm của nền kinh tế các nước ASEAN (cũ) trong những năm đầu thế kỷ 21 do:

a. tài nguyên thiên nhiên
b. chính sách điều chỉnh cơ cấu kinh tế
c. chính sách của nhà nước đối với vấn đề công nghệ
d. phụ thuộc vào nước ngoài

câu 272. nét chung về kinh tế của các nước ASEAN thể hiện ở:

a. nguồn lực tự nhiên giàu có
b. lao động rẻ
c. cơ cấu kinh tế hợp lý
d. trình độ kinh tế ko đồng đều

câu 273. đông nam á đã trở thành một khối thống nhất với đầy đủ 10 quốc gia tham gia ASEAN vào năm:

a. 1995
b. 1997
c. 1999
d. 2001

câu 274. quốc gia có dân số ít nhất ở vùng đông nam á là:

a. Brunay
b. Singapore
c. Malaixia
d. Lào

Câu 275. quốc gia có thu nhập bình quân đầu người cao nhất hiện nay ở đông nam á là:

a. Singapore
b. Mailaixia
c. Thái lan
d. Brunay

Câu 276. vấn đề biển đông là vấn đề nhạy cảm trong quan hệ của các nước Đông nam á, bởi vì:

a. các nước đang hợp tác để khai thác nguồn lợi sinh vật biển và dầu khí
b. các nước đang sử dụng chung con đường hàng hải quốc tế từ thái bình dương sang ấn độ dương
c. có sự tranh chấp giữa các nước trong khu vực với nhau
d. có sự tranh chấp giữa các nước trong khu vực với nhau và với các nước ngoài khu vực

câu 277. các nước thuộc khối ASEAN đặc biệt quan tâm đến vấn đề dân cư và dân tộc vì:

a. đây vẫn còn là khu vực đang tiếp tục bùng nổ về dân số
b. có nhiều thành phần dân tộc trình độ, phong tục tập quán, tín ngưỡng khác nhau
c. để bị các thế lực thù địch lợi dụng gây ra mất đoàn kết ổn định
d. để có tình trạng phát triển ko đều giữa các thành phần dân tộc làm cho kinh tế khó phát triển

câu 278. sự đồng dạng về các nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước đông nam á làm cho:
a. các nước này dễ dàng hợp tác với nhau trong mối quan hệ quốc tế
b. đặt các nước trước sự cạnh tranh quyết luyệt trên thị trường quốc tế
c. các nước tăng cường thương mại với nhau
d. giá nông sản của các nước ngày càng giảm xuống
câ 279. yếu tố quan trọng có ý nghĩa tiêu đề để Singapore trở thành con rồng về kinh tế của châu á là:
a. vị trí địa lý
b. dân cư năng động thuần nhất
c. sự giàu có về nguồn tài nguyên thiên nhiên
d. là thành viên sáng lập ra tổ chức ASEAN
câu 280. để đẩy mạnh tăng trưởng và phát triển kinh tế các nước ASEAN cần phải khắc phục điểm yếu nào sau đây:c
a. tình trạng phát triển ko đồng đều giữa các vùng trong nước và các nước với nhau
b. tình trạng dân số tăng nhanh, lao động dư thừa, lương thấp, tay nghề ko cao, thất nghiệp cao
câu 281. mờ quá không đánh được. Thông cảm nha! He he(d)
câu 282. sự tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN trong thời gian qua tuy cao nhưng không vững chắc vì:
a. dân số đông tăng nhanh
b. sự phát triển chủ yếu phụ thuộc bên ngoài
c. nền kinh tế chủ yếu còn dựa vào nông nghiệp trong khi thiên tai lại thường xuyên xảy ra
d. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ năm 1997 vẫn còn nặng nề
câu 283. số nước thành viên trong khối ASEAN hiện nay:
a. 7
b. 8
c. 10
d. 9
câu 284. nước nào có dân số đông nhất trong khối ASEAN:
a. Việt Nam
b. Thái lan
c. Philippin
d. Inđônêxia
Câu 285. Xe Super Dream được lắp tại một số nước đông nam á điều đó thể hiện:
a. sự phân công lao động quốc tế
b. sự chuyển giao công nghệ
c. sự phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia
d. sự bành trướng của các công ty đa quốc gia
câu 286. ngành sản xuất truyền thống ASEAN
a. công nghiệp chế tạo cơ khí
b. thủ công mỹ nghệ

c. công nghiệp láp ráp thiết bị cơ khí
d. công nghiệp hoá chất

câu 287. khí hậu đông nam á là khí hậu nhiệt đới gió mùa. Yếu tố khác biệt rõ rệt nhất giữa các mùa là:

a. nhiệt độ
b. lượng mưa và độ ẩm
c. cường độ bức xạ mặt trời
d. độ dài của ngày, đêm

câu 288. nhân tố tự nhiên tạo nên sức mạnh về nông nghiệp của đông nam á là:

a. khí hậu
b. đất đai
c. địa hình
d. sinh vật tự nhiên

câu 289. đặc điểm dân cư ko phải của đông nam á là:

a. tỷ lệ tăng dân số cao
b. hầu hết các quốc gia có thành phần dân tộc, tôn giáo khá thuần nhất
c. tỷ lệ dân nông thôn cao
d. mật độ dân số cao nhưng rất chênh lệch giữa các quốc gia, các khu vực

câu 290. ở mỗi nước đông nam á thường có một tôn giáo có vai trò quan trọng hơn cả:

a. Mianma: đạo phật, Inđônêxia: đạo hồi; Philippin: đạo hồi, Brunay: thiên chúa
b. Mianma: đạo phật, Inđônêxia: đạo hồi; Philippin: đạo phật, Brunay: đạo hồi
c. Mianma: đạo phật, Inđônêxia: đạo thiên chúa; Philippin: đạo thiên chúa, Brunay: đạo hồi
d. Mianma: đạo phật, Inđônêxia: đạo hồi; Philippin: đạo thiên chúa, Brunay: đạo hồi

Câu 291. lý do chính để các nước đông nam á chuyển sang công nghiệp hoá định hướng xuất khẩu là:

a. do nhu cầu của thị trường thế giới đối với sản phẩm công nghiệp của đông nam á
b. xu thế chuyển dịch cơ cấu trong nền công nghiệp thế giới (chuyển các cơ sở công nghiệp có nhu cầu kỹ thuật thấp, kém an toàn sang các nước đang phát triển)
c. do quy mô thị trường nội địa nhỏ và các nước ko thể tự cân bằng thanh toán khi thực hiện công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu (ISI)
d. không có đáp án nào đưa ra là đúng

câu 292. cơ cấu kinh tế đông nam á đang chuyển biến theo hướng:

a. giảm tỷ trọng nhóm 1 và 2, tăng tỷ trọng nhóm 3 (dịch vụ)
b. giảm tỷ trọng nhóm 1, tăng tỷ trọng nhóm 2 và 3
c. giảm tỷ trọng nhóm 1, tăng tỷ trọng nhóm 3
d. sự đồng đều giữa 3 nhóm

câu 293. xét trên bình diện kinh tế về cơ bản ASEAN là một tổ chức:

a. có xu hướng ngoại (liên kết thu hút đầu tư chiếm lĩnh thị trường ngoài khu vực) là chính
b. có xu hướng nội (tập trung đầu tư lẫn nhau và tiêu thụ hàng hoá trong nội bộ khối) là chính
c. chủ yếu thu hút đầu tư từ bên ngoài, thoả mãn nhu cầu cho thị trường nội bộ khối

d. xu hướng ko rõ ràng

câu 294. bản liệt kê thủ đô các nước thành viên ASEAN nào dưới đây là chính xác:

a. gia-các-ta, băng cốc, Hà Nội, Ran-Gun, Đac-Ca
b. Băng cốc, Hà Nội, gia-các-ta, Cualalambua, Băng dung
c. Singapore, Hà Nội, Chiềng mai, Cualalambua, Rangun
d. Banda Xeri Bengaoan, Hà Nội, Singapore, Gia-các-ta, Băng Cốc

Câu 295. đông nam á thu được nguồn FDT (đầu tư trực tiếp) là nhờ:

a. lợi thế về nguồn tự nhiên
b. thị trường rộng, sức mua lớn
c. Nguồn lao động dồi dào, môi trường đầu tư thuận lợi
d. Do nguồn tư bản trên thế giới dư thừa

Câu 296. trong việc phát triển kinh tế của đông nam á hiện nay, trở ngại lớn nhất trong các trở ngại:

a. tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt
b. giá lao động tăng dần
c. phụ thuộc bên ngoài về vốn và công nghệ
d. quy mô nền kinh tế nhỏ bé

câu 297. trong nền nông nghiệp đông nam á, ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng cao hơn chăn nuôi. điều đó chủ yếu vì:

a. đặc điểm của điều kiện tự nhiên
b. đặc điểm dân số và tập quán dân cư
c. tác động của thị trường thế giới
d. những nguyên nhân khác

câu 298. cuộc cách mạng xanh ở đông nam á

a. chỉ có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế – xã hội
b. chỉ có tác động tiêu cực tới sự phát triển của kinh tế – xã hội
c. cơ bản là tác động tiêu cực
d. cơ bản là tác động tích cực, nhưng cũng gây những hậu quả nghiêm trọng

câu 299. thực chất của cách mạng ở đông nam á là:

a. công nghiệp hoá nông nghiệp
b. nâng cao mức sống nông dân
c. áp dụng kỹ thuật mới và mở rộng sự can thiệp của chính phủ vào nông nghiệp
d. áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào nông nghiệp và phát triển nông thôn

câu 300. hiện nay, nền nông nghiệp của các quốc gia đông nam á là:

a. nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá
b. nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc
c. nền nông nghiệp về cơ bản mang tính chất chuyển tiếp của nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá và nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc

câu 301. chính sách ISI (công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu) của đông nam á nhằm mục đích chính là:

a. hạn chế sự lệ thuộc vào tư bản nước ngoài
b. hạn chế nhập sản phẩm công nghiệp
c. tạo ra một tầng lớp tư sản bản địa
d. các mục đích khác

câu 302. sự thay đổi cơ cấu công nghiệp ở Nga biểu hiện:

a. tiếp tục ưu tiên phát triển công nghiệp nặng
b. chuyển cơ cấu công nghiệp sang công nghiệp nhẹ và thực phẩm
c. chuyển công nghiệp quốc phòng sang công nghiệp dân sự
d. bên cạnh công nghiệp nặng vốn là thế mạnh, chú ý phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm

câu 303. trong những thập kỷ 30, 40, 50 các ngành công nghiệp nào làm cho Liên xô (cũ) trở thành cường quốc:

a. công nghiệp hoá chất
b. nhiên liệu – năng lượng
c. các ngành công nghiệp nặng được ưu tiên
d. công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm

câu 304. nước nào có vệ tinh nhân tạo và đưa người lên vũ trụ đầu tiên trên thế giới:

a. Hoa Kỳ
b. Nga
c. Đức
d. ấn độ

Câu 305. nhược điểm cơ bản của cơ cấu công nghiệp của liên xô (cũ):

a. xem nhẹ công nghiệp hàng tiêu dùng
b. quá chú trọng ưu tiên công nghiệp nặng
c. chú ý công nghiệp nhiên liệu, năng lượng
d. coi nhẹ công nghiệp cơ khí

câu 306. kinh tế Nga bắt đầu có chiều hướng phục hồi từ năm nào:

a. 1993
b. 1995
c. 1997
d. 1999

câu 307. trong bốn nhận xét sau đây, nhận xét nào là chính xác hơn cả về vai trò của dân tộc Nga trong lịch sử nhân loại?

a. một dân tộc tài năng
b. một dân tộc hiền lành
c. một dân tộc thiếu đoàn kết
d. một dân tộc hiệp sĩ

câu 308. về phương diện kinh tế có thể đánh giá ntn về sự sụp đổ của Liên xô và những khó khăn của nước Nga hiện nay?

a. Sự sụp đổ và thất bại của một mô hình

b. Sự bất lực của những người lãnh đạo
c. điều kiện thiên nhiên ưu ái nước Nga
d. thất bại trong chiến tranh lạnh

câu 309. tại sao nói thiên nhiên ưu ái nước Nga

a. vì đất đai rộng lớn và màu mỡ
b. vì khoáng sản rất phong phú
c. vì vị trí địa lý thuận lợi cho quan hệ kinh tế thế giới
d. vì vị trí địa lý thuận lợi để lao động sản xuất và du lịch

câu 310. vì sao nói dân tộc Nga đã tiến hành cuộc thí nghiệm vĩ đại nhất trong lịch sử loài người thế kỷ XX?

a. đã đương đầu và đánh bại chủ nghĩa phát xít trong đại chiến thế giới thứ hai
b. người Nga là người đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo và người đầu tiên bay vào vũ trụ
c. xây dựng một mô hình kinh tế chưa từng có trong lịch sử loài người – chủ nghĩa xã hội
d. giúp đỡ và làm chỗ dựa cho cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

câu 311. thập kỷ 70, Liên xô (cũ) đã có nhiều ngành công nghiệp vươn lên vào loại nhất, nhì thế giới. Ngành ko thuộc nhóm đó là:

a. sản xuất thép
b. sản xuất dầu
c. khai thác than
d. sản xuất điện tử dân dụng

câu 312. trong cơ cấu của nền kinh tế Liên xô trước đây ngành đóng vai trò chủ yếu là:

a. sản xuất lương thực – thực phẩm
b. dịch vụ
c. công nghiệp hàng tiêu dùng
d. công nghiệp nặng

câu 313. nguyên nhân chủ yếu dẫn đến Liên bang Xô viết tan vỡ:

a. tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm dần
b. khủng hoảng chính trị, kinh tế bao trùm toàn bộ nền kinh tế
c. hoạt động ngoại thương thâm hụt
d. thị trường hàng hoá khan hiếm

câu 314. ngày kết thúc sự tồn tại của Liên bang Xô viết với việc xảy ra cuộc chính biến lịch sử ngày

a. 19/8/1991
b. 19/8/1990
c. 20/10/1990
d. 7/11/1990

câu 315. ranh giới chia lãnh thổ nước Nga thành 2 phần nằm ở Châu âu và châu á là:

a. dãy núi Uran
b. Sông Obi

c. Sông Lena
d. Dãy núi Capcadơ

Câu 316. Ranh giới chia lãnh thổ nước Nga thành 2 phần địa hình khác biệt là:
a. Sông lenít xây
b. Sông Obi
c. Sông lena
d. Dãy núi capcado

Câu 317. địa hình vùng Đông nước Nga giống địa hình vùng nào trong các nước sau:
a. vùng tây nước HK
b. vùng đông Trung quốc
c. vùng tây TQ
d. Vùng tây bắc Pháp

Câu 318. sông của nước Nga nằm ở đồng bằng châu âu là:
a. Vonga
b. Obi
c. Amua
d. Lêna

Câu 319. sông biên giới tự nhiên giữa Nga và Trung quốc là:
a. Vônga
b. Sông Đông
c. Sông Amua (Hắc Long Giang)
d. Sông Hoàng Hà

Câu 320. Vùng Đông Xibia mang tính chất khí hậu:
a. Ôn đới lục địa
b. ôn đới ôn hoà
c. cận nhiệt lục địa
d. nhiệt đới biển

câu 321. ngành công nghiệp mũi nhọn của nước Nga hiện nay:
a. công nghiệp khai thác than
b. công nghiệp khai thác dầu khí
c. công nghiệp điện
d. công nghiệp cơ khí

câu 322. sự giàu có của điều kiện tự nhiên nước Nga được thể hiện nổi bật ở:
a. đất nước rộng lớn
b. tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản phong phú
c. khí hậu ôn hoà, đa dạng
d. đất đai màu mỡ, diện tích lớn

câu 323. Nga là dân tộc:
a. đôn hậu
b. tình cảm

c. ?
d. năng động

câu 324. những thành tựu chủ yếu nước Nga đã đạt được trong những năm đầu thế kỷ 21 nhờ:
a. tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh
b. ổn định chính trị và kinh tế
c. sản lượng một số ngành tăng
d. thu nhập bình quân theo đầu người cao

câu 325. Nga sẽ lấy lại vị trí vai trò là cường quốc kinh tế thế giới trong thế kỷ 21 vì:
a. nước Nga có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú
b. có nhiều kinh nghiệm xây dựng kinh tế trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau
c. nhân dân Nga tài năng, dũng cảm, cần cù, được thử thách nhiều trong quá trình đấu tranh và xây dựng đất nước
d. nhờ tất cả các điều kiện đã đưa ra

câu 326. nông nghiệp Nga đạt nhiều thành tựu lớn trong những năm đầu thế kỷ 21 do:
a. thiên nhiên thuận lợi
b. lao động đông, rẻ
c. tăng nguồn đầu tư lớn
d. các biện pháp quản lý đúng và phù hợp

câu 327. hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước Nga trong những năm sắp tới đầu thế kỷ 21 là:
a. tập trung vào vùng tây là thị trường lớn và có truyền thống phát triển từ lâu
b. sang vùng đông để khai thác nguồn tài nguyên giàu có
c. xuống phía nam có khả năng sản xuất nhiều sản phẩm vùng cận nhiệt
d. lên phía bắc để khai thác vùng biển bắc băng dương và chăn nuôi thú y hiếm

câu 328. nước Nga là thị trường lớn đầy triển vọng của Việt Nam:
a. thị trường truyền thống, quen với Việt Nam
b. thị trường hấp dẫn, có sức mua lớn
c. không khắt khe về chất lượng, thị hiếu tiêu dùng
d. có quan hệ hữu nghị hai nước

câu 329. trong cải cách kinh tế, Trung quốc đã có chính sách hợp lý với phát triển nông thôn, đó là:
a. công nghiệp hoá công nghiệp, nông dân ra thành phố
b. chú ý phát triển kinh tế nông thôn
c. chính sách hương trấn chú ý phát triển công nghiệp tại nông thôn và thành phố
d. chính sách hương trấn, ly nông ko ly hương

câu 330. Trung quốc có nền kinh tế khổng lồ, thị trường to lớn nhưng vẫn chưa được xếp vào hàng các nước kinh tế phát triển vì:
a. nhiều ngành có sản phẩm bình quân trên đầu người thấp
b. thu nhập của nhân dân thấp
c. chỉ tiêu văn hoá, giáo dục thấp

d. cả 3 lý do trên

câu 331. hiện nay nước nào đứng đầu về số khách du lịch?

a. Pháp
b. Hoa Kỳ
c. Nhật
d. Trung quốc

Câu 332. Nước nào có nhịp độ tăng trưởng cao nhất trong thập kỷ vừa qua:

a. Hoa kỳ
b. Nhật
c. Australia
d. Trung quốc

Câu 333. nước nào đứng đầu về sản lượng lương thực trên thế giới?

a. Hoa kỳ
b. Trung quốc
c. Pháp
d. ấn độ

Câu 334. nước nào đứng đầu về sản lượng gạo trên thế giới?

a. Trung quốc
b. Thái lan
c. Hoa kỳ
d. Việt Nam

Câu 335. tại sao Trung quốc không thể tiến hành khai phá miền tây để tạo ra sự phát triển như Hoa kỳ đã làm thế kỷ XIX?

a. vì lợi ích thu được không bù nổi chi phí
b. vì miền tây quá hiểm trở, khó khăn
c. vì Trung quốc không đủ vốn đầu tư
d. vì không đủ phương tiện kỹ thuật

câu 336. yếu tố nào quyết định vị trí của Trung quốc trên thị trường thế giới?

a. một nước có diện tích hơn 9 triệu km^2
b. những tài nguyên phong phú của một đất nước rộng lớn
c. một nước có xuất và nhập khẩu lớn nhất thế giới
d. một nước có hơn một tỷ dân

câu 337. con sông nào hàng năm đem lại 1.600 triệu tấn phù sa, nhiều nhất trên thế giới?

a. Sông Mississpi ở HK
b. Sông Hoàng Hà ở Trung quốc
c. Sông Vonga ở Nga
d. Sông Loire ở Pháp

Câu 338. vì sao Trung quốc là nước sản xuất nhiều lương thực nhất thế giới nhưng ko được coi là cường quốc lương thực:

a. vì năng suất đất đai của Trung quốc rất thấp

b. Vì trang thiết bị còn yếu kém
c. Vì chủ yếu chỉ để tiêu thụ nội địa
d. Vì chất lượng lương thực còn kém

Câu 339. phần phía đông của Trung quốc địa hình chủ yếu là đồng bằng và đồi thấp có độ cao dưới 400m. Trong đó có những đồng bằng lớn, trừ:

a. đông bắc
b. hoa bắc
c. hoa trung
d. mê công

câu 340. sông ngòi Trung quốc mang những đặc điểm sau, trừ:

a. nhiều sông lớn tầm cỡ thế giới
b. chảy theo hướng bắc nam
c. sông vùng đông bắc thường đóng băng về mùa đông
d. tạo nên những đồng bằng phì nhiêu màu mỡ

câu 341. một trong 4 con sông lớn dưới đây, con sông nào là do người Trung quốc đã đào từ thời Tần Thuỷ Hoàng đến nay vẫn còn sử dụng từng đoạn?

a. Dương tử giang (trường giang)
b. Đại vận hà
c. châu giang
d. hắc long giang (Amua)

câu 342. Trung quốc là nước có số dân di cư ra nước ngoài nhiều nhất thế giới. Quốc gia nào dưới đây có tỷ lệ Hoa kiều lớn nhất so với dân cư tại chỗ:

a. Việt Nam
b. Mianma
c. Lào
d. Singapore

Câu 343. năm đặc khu kinh tế chiếm hơn 50% hàng xuất khẩu của Trung quốc là:

a. thiên tân, bắc kinh, thanh đảo, quảng châu, vũ hán
b. hải nam, phúc kiến, quảng châu, trường xuân, cáp nhĩ tân
c. thẩm quyến, chu hải, sán đầu, hạ môn, hải nam
d. thẩm quyến, hải nam, tây tạng, vân nam, côn minh

câu 344. những nét đặc trưng kinh tế Trung quốc ở thập kỷ 60 là:

a. đạt hiệu quả cao
b. tiếp xúc hạn chế với nước ngoài
c. có thể cung cấp hầu hết các nhu cầu sản phẩm công nghiệp
d. ko thể thanh toán được hàng nhập khẩu

câu 345. nét đặc trưng nào ko phải của nền kinh tế Trung quốc thập kỷ 90 và đầu thế kỷ 21:

a. tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất là công nghiệp và ổn định
b. là nước kinh tế phát triển, có bình quân đầu người của nước phát triển, lương thực dư thừa
c. nhiều ngành công nghiệp tăng đáng kể, nhất là công nghiệp điện tử

d. đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, xoá bỏ dần sự khác biệt giữa các miền

346. vào cuối thập kỷ 90 sản lượng than và thép của Trung quốc đã:

a. đuổi kịp Pháp
b. vượt Pháp, đuổi kịp Nga và HK
c. vượt Pháp và Nga, đuổi kịp HK
d. đứng hàng đầu thế giới

câu 347. ngành công nghiệp mang lại hiệu quả cao trong những năm đầu thế kỷ 21 của TQ là:

a. công nghiệp chế tạo máy, thiết bị
b. công nghiệp hoá chất
c. công nghiệp nhẹ
d. công nghiệp thông tin

câu 348. hải cảng lớn của Trung quốc trong vùng châu á - thái bình dương là:

a. đại liên
b. thượng hải
c. thiên tân
d. quảng châu

câu 349. yếu tố nào ko quyết định Trung quốc sẽ đứng vào hàng ngũ các cường quốc kinh tế trên thế giới trong thế kỷ 21:

a. tốc độ tăng trưởng kinh tế cao
b. tổng GDP lớn
c. tổng kim ngạch xuất khẩu lớn
d. tài nguyên phong phú

câu 350. nguyên nhân nào quan trọng hơn cả để trong năm 2002 Trung quốc thu hút vốn đầu tư lớn nhất thế giới:

a. nguồn tài nguyên giàu có
b. nguồn nhân lực có trình độ cao
c. luật khuyến khích đầu tư hấp dẫn
d. kết cấu hạ tầng phát triển

câu 351. Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi xuất khẩu hàng hoá vào vùng nào của Trung quốc:

a. vùng đông bắc
b. vùng hoa bắc
c. vùng tây bắc
d. vùng hoa nam

câu 352. Trung quốc có khả năng nhập khẩu hàng Việt Nam vì:

a. đông dân, có thị hiếu tiêu dùng giống nhau
b. thu nhập bình quân đầu người thấp
c. giá hàng hoá tương đối rẻ
d. cả 3 lý do đưa ra

câu 353. Trung quốc là nước có tổng sản lượng lương thực:

a. đứng đầu thế giới
b. thứ 5
c. thứ 7
d. thứ 4

câu 354. Trung quốc là nước có tổng sản lượng lúa mì:

a. đứng đầu thế giới
b. thứ 2
c. thứ 6
d. thứ 4

câu 355. vùng đông bắc (TQ) có sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là:

a. lúa mì
b. lúa gạo
c. chăn nuôi
d. bông

câu 356. nét độc đáo trong dân cư Trung quốc so với các nước đang phát triển khác thể hiện ở :

a. kết cấu tuổi
b. kết cấu giới tính
c. tỷ lệ tăng dân số
d. kết cấu dân tộc